



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2024



MỤC LỤC

03 CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

04 THÔNG ĐIỆP TỔNG GIÁM ĐỐC

05 TỔNG QUAN

- 06 Thông tin về doanh nghiệp
- 07 Quá trình hình thành và phát triển
- 08 Mạng lưới hoạt động
- 08 Ngành nghề kinh doanh
- 09 Mô hình quản trị công ty
- 10 Cơ cấu tổ chức quản trị
- 16 Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 16 Các công ty con, công ty liên kết
- 16 Định hướng phát triển
- 17 Các rủi ro

18 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

- 19 Kinh tế vĩ mô và TTCK Việt Nam
- 20 Kết quả kinh doanh năm 2024
- 21 Tổ chức và nhân sự
- 22 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- 23 Các hoạt động của Công ty năm 2024
- 24 Tình hình tài chính
- 25 Cơ cấu cổ đông
- 26 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

27 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

30 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

32 QUẢN TRỊ CÔNG TY

35 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2024

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

| | | | |
|---------------|--|-------------|--------------------------------------|
| VIS | Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam | GDKQ | Giao dịch ký quỹ |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | LNTT | Lợi nhuận trước thuế |
| HSX | Sở giao dịch Chứng khoán TPHCM | TMCP | Thương Mại Cổ Phần |
| HNX | Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội | CNTT | Công nghệ thông tin |
| VSDC | Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam | GTGD | Giá trị giao dịch |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông | ROE | Tỷ suất sinh lợi trên vốn chủ sở hữu |
| HĐQT | Hội đồng quản trị | BHTN | Bảo hiểm thất nghiệp |
| TGD | Tổng Giám Đốc | BHXH | Bảo hiểm xã hội |
| TTCKVN | Thị trường chứng khoán Việt Nam | BHYT | Bảo hiểm Y Tế |
| GDP | Tổng sản phẩm quốc nội | CPI | Chỉ số giá tiêu dùng |



THÔNG ĐIỆN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể Cán bộ nhân viên!

Trong năm 2024, kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức do xung đột địa-chính trị và chính sách tiền tệ thắt chặt. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng tích cực nhờ vào sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và các chính sách tiền tệ linh hoạt. Các ngành kinh tế chủ chốt như công nghiệp, dịch vụ và xuất khẩu đều có sự phục hồi mạnh mẽ, tạo nền tảng vững chắc cho doanh nghiệp trong nước tiếp tục phát triển. Điều này thể hiện sự nỗ lực và thích ứng linh hoạt của Chính phủ trong việc điều phối các chính sách kinh tế trước những biến động toàn cầu. Sự bám sát các mục tiêu tăng trưởng kinh tế đã đề ra, nhờ vào chủ trương và chỉ đạo quyết liệt, kịp thời từ Chính phủ cùng với các chính sách tiền tệ linh hoạt của Ngân hàng Nhà nước đã tạo nền tảng vững chắc cho các doanh nghiệp trong nước, bao gồm cả chúng ta, để tiếp tục vững bước phát triển.

Kết thúc năm 2024, VN-Index tăng trưởng 12,1% lên 1.266,78 điểm, đánh dấu 02 năm liên tiếp giữ vững đà tăng điểm số. Thanh khoản bình quân đạt mức 21,1 nghìn tỷ đồng/phiên tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 7,2 triệu tỷ đồng, tăng 21,2% so với cuối năm 2023, tương đương 70,4% GDP ước tính năm 2023.

Năm 2025, dự báo GDP Việt Nam sẽ khả quan với mục tiêu tăng trưởng trên 8%, CPI bình quân ở mức 4,5% -5%. Thị trường chứng khoán kỳ vọng hồi phục và giữ vững sự ổn định, với VN-Index dao động trong khoảng 1.300-1.400 điểm. Định giá P/E ước tính hiện tại của VN-Index đang ở mức xấp xỉ 10,3 lần, thấp hơn 20% so với mức P/E trung bình 05 năm gần đây. Trong bối cảnh lãi suất thấp tiếp tục duy trì, lợi nhuận các doanh nghiệp niêm yết đang được cải thiện khi xuất khẩu và sản xuất phục hồi tích cực, thanh khoản chung của thị trường kỳ vọng sẽ tăng trưởng so với năm 2024.

Trước những diễn biến bất lợi của thị trường tài chính và thị trường chứng khoán, VIS đã nỗ lực triển khai hoạt động kinh doanh bám sát với định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Trong năm 2024, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty có sự suy giảm tuy nhiên vẫn được duy trì ổn định. Đây là một kết quả rất đáng khích lệ khi thị trường tài chính và chứng khoán gặp nhiều tác động bất lợi trong năm qua. Tổng doanh thu năm 2024 đạt 58,78 tỷ đồng, giảm 21,4% so với doanh thu năm 2023 và đạt 36,2% so với kế hoạch năm 2024. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 16,87 tỷ đồng, giảm 44,2% so với lợi nhuận trước thuế năm 2023 và đạt 21,5% so với kế hoạch năm 2024. Chất lượng tài sản tốt, chủ yếu là tài sản sinh lời và có thanh khoản cao. Công ty sử dụng nguồn vốn an toàn, chủ yếu dùng vốn chủ sở hữu tài trợ cho hoạt động kinh doanh.

Thay mặt Hội đồng quản trị và Ban Điều hành, tôi xin cảm ơn sự ủng hộ và tin tưởng của Quý cổ đông, Quý khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể cán bộ nhân viên. Với niềm tin mạnh mẽ vào triển vọng dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, Công ty sẽ tiếp tục định hướng hoạt động dựa trên các giá trị cốt lõi của mình và tạo ra giá trị cho cổ đông VIS cũng như Quý khách hàng và Nhà đầu tư của VIS.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe và thành công!





PHẦN 1

TỔNG QUAN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (VIS)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam (VIS) được thành lập vào tháng 11/2006 theo Quyết định số 20/UBCK-GPHDKD của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sửa đổi bổ sung gần nhất theo Quyết định số 45/GPĐC-UBCK cấp ngày 06/06/2023. Cổ đông sáng lập của VIS bao gồm các định chế tài chính và các doanh nhân thành đạt, giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và chứng khoán.



Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tên viết tắt: VIS

Vốn điều lệ tại 31/12/2024: 300.000.000.000 VND

Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2024: 409.733.650.129 VND

Trụ sở chính: Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Chi nhánh: Lầu 2, Tòa nhà 194 Nguyễn Công Trứ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84 24) 710 88848/ (84 28) 710 88848

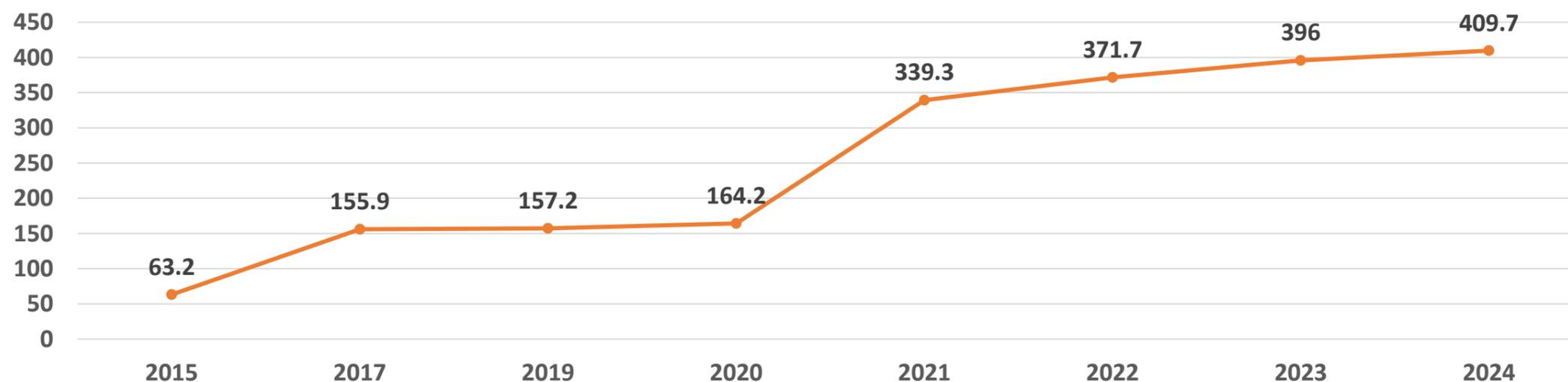
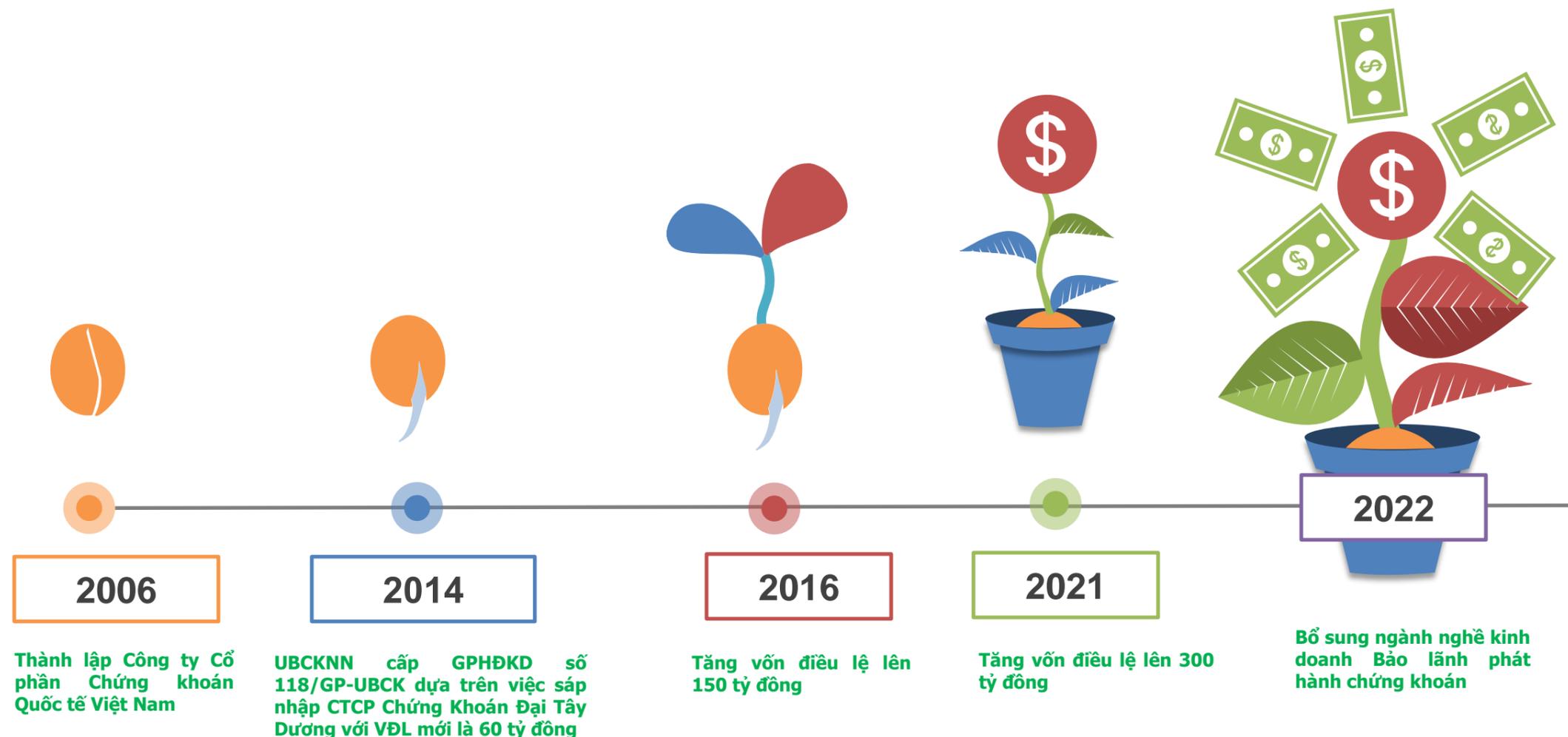
Số fax: (84 24) 3944 5889 / (84 28) 3915 2931

Website: www.vise.com.vn

Ngành nghề:

- ✓ Môi giới chứng khoán;
- ✓ Tự doanh chứng khoán;
- ✓ Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- ✓ Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- ✓ Các nghiệp vụ khác được pháp luật cho phép.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Vốn chủ sở hữu tăng từ năm 2015-2024

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG



Trụ sở chính:

Tầng 3, 59 Quang Trung,
Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội



Chi nhánh:

Lầu 2, Tòa nhà 194 Nguyễn Công Trứ,
quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

Dịch vụ môi giới

- Mở tài khoản giao dịch
- Môi giới: Cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC
- Đại lý đấu giá IPO
- Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Dịch vụ tài chính

- Giao dịch ký quỹ
- Ứng trước tiền bán

Giao dịch điện tử

- Quản lý đa tài khoản: Quản lý đồng thời nhiều tài khoản trong cùng một phiên đăng nhập. Chuyển đổi qua lại dễ dàng giữa các tài khoản
- Cập nhật tin tức thời: Tự động cập nhật dữ liệu thị trường, thông tin doanh nghiệp, đồ thị chứng khoán theo thời gian thực. Hệ thống lọc cổ phiếu đa dụng, dễ dàng nắm xu hướng thị trường
- Tất cả trong một: Đa nhiệm với đầy đủ các tính năng đặt lệnh trước, ứng tiền mua chứng khoán. Các giao dịch tài chính nộp, rút tiền chứng khoán, chuyển khoản, lô lẻ, kết nối ebanking 24/7,...

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

- Cổ phiếu
- Trái phiếu

BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Tư vấn huy động vốn trên thị trường vốn trong và ngoài nước

- Tư vấn phát hành (đại chúng & riêng lẻ)
- Bảo lãnh phát hành
- Tư vấn thoái vốn

Tư vấn tài chính doanh nghiệp

- Khảo sát và đánh giá tổng thể tình hình của doanh nghiệp
- Tư vấn phương thức quản trị phù hợp với doanh nghiệp
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, hệ thống quản trị tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ
- Tư vấn quảng bá hình ảnh của doanh nghiệp với công chúng
- Tư vấn hậu tái cấu trúc doanh nghiệp
- Tư vấn phát hành

Tư vấn mua bán & sáp nhập doanh nghiệp (M&A)

- Xây dựng chiến lược mua bán, sáp nhập doanh nghiệp và lựa chọn đối tượng
- Khảo sát và đánh giá doanh nghiệp
- Liên kết chiến lược
- Tư vấn pháp lý
- Định giá công ty
- Tư vấn xây dựng cấu trúc tài chính trước và sau khi mua bán, sáp nhập
- Thương thảo các điều kiện, điều khoản thực hiện thỏa thuận mua bán và sáp nhập
- Tư vấn quản trị Công ty

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Mô hình quản trị doanh nghiệp của VIS được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo định hướng vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của VIS đều được thực hiện căn cứ và tuân thủ đầy đủ Điều lệ Tổ chức hoạt động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty cũng ban hành hệ thống quy chế Quản trị nội bộ được áp dụng thống nhất, xuyên suốt các Phòng/Ban, Chi nhánh.



CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN TRỊ



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông VÕ QUANG LONG

Chủ tịch HĐQT

Ông **Võ Quang Long** – Chủ tịch HĐQT, Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. Ông Long đã có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Ngân hàng – Bảo hiểm, đặc biệt ông từng giữ những chức vụ chủ chốt tại nhiều ngân hàng lớn trong nước như Ngân hàng TMCP Phát triển nhà TPHCM (HDBank), Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).



Ông NGUYỄN THANH TUYỀN

Phó chủ tịch HĐQT

Ông **Nguyễn Thanh Tuyên** – Phó Chủ tịch HĐQT, Ông Tuyên là Thạc sĩ Tài chính có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng với hơn 15 năm gắn bó trong lĩnh vực chứng khoán. Ông từng giữ vị trí chủ chốt tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), Công ty chứng khoán SBS, Công ty chứng khoán Viễn Đông..., trong đó có nhiều năm giữ vị trí Tổng giám đốc điều hành. Ông Tuyên gắn bó với VIS từ năm 2015 với vị trí Tổng giám đốc và hiện đang đảm nhiệm vị trí Phó chủ tịch HĐQT VIS từ 2018 đến nay.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông ĐÀO DUY HẢI

Thành viên HĐQT

Ông Hải từng công tác tại nhiều tổ chức kinh tế như Công ty TNHH Kiểm toán A&C, Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB).

Nhiệm kỳ Ban kiểm soát 2019- 2024, Ông Hải gắn bó với VIS trong vai trò Trưởng Ban kiểm soát.

Từ tháng 04/2024 Ông Hải trở thành Thành viên HĐQT của VIS trong nhiệm kỳ HĐQT 2024-2029.



Ông CAO QUẾ LÂM

Thành viên HĐQT- Nhiệm kỳ 2019-2024

Ông **Cao Quế Lâm** – Thành viên HĐQT, đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Chứng khoán. Với nhiều năm gắn bó, Ông Lâm đã có những đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của VIS.

Ông Lâm đã xin từ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT từ tháng 04/2024 và đã được ĐHĐCĐ thông qua.

BAN KIỂM SOÁT



Bà NGUYỄN THỊ HÒA

Trưởng Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hòa - Trưởng BKS, Cử nhân Kế Toán Tài Chính, Kế Toán Trưởng. Bà đã có hơn 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Kế Toán và công tác cho nhiều công ty như Công ty TNHH Phát Triển Phú Mỹ Hưng, GoucoLand VN, BW Industrial, CTCP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt.



Bà NGUYỄN THỊ THU THỦY

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính - Chứng khoán. Trong suốt quá trình công tác tại VIS, bà Thủy đã có những đóng góp to lớn cho sự ổn định và phát triển của VIS.



Ông ĐINH KHÁNH HÒA

Thành viên Ban kiểm soát

Cử nhân kiểm toán. Ông Hòa đã có gần 8 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài Chính - Kiểm Toán. Ông từng làm việc tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và hiện đang công tác tại Công ty CP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt.



Ông TRẦN BÌNH ỒN

Thành viên Ban kiểm soát- Nhiệm kỳ 2019-2024

Ông Trần Bình Ổn là doanh nhân dày dặn kinh nghiệm và thành đạt tại Việt Nam. Ông nhiều năm là thành viên Ban kiểm soát và đã có nhiều đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của VIS. Ông Ổn đã xin từ nhiệm vị trí thành viên BKS từ tháng 04/2024 và đã được ĐHCĐ thông qua.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông NGUYỄN ĐỨC QUÂN TÙNG

Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10/02/2025)

Ông Nguyễn Đức Quân Tùng có hơn 16 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí chủ chốt tại các tổ chức, doanh nghiệp khác như: Kiểm toán KPMG Việt Nam; Công ty CP Chứng khoán SSI; Ngân hàng TMCP Phương Đông; Công ty CP Chứng khoán VNDirect; Công ty CP Chứng khoán VPBank, CTCP Chứng khoán LPBank.



Ông DƯƠNG KỲ HIỆP

Tổng giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 10/02/2025)

Ông Dương Kỳ Hiệp đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc và giữ các vị trí chủ chốt tại Công ty Chứng khoán ngân hàng Sài Gòn Thương tín như Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn, Giám đốc Khối Vận hành,... Ông đã có hơn 07 năm gắn bó với VIS ở vị trí Tổng giám đốc. Ông Hiệp đã xin từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc từ ngày 10/02/2025.



Ông VĨNH BẢO QUỐC

Phó Tổng giám đốc thường trực

Ông Vĩnh Bảo Quốc đã có hơn 15 năm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Chứng khoán và hơn 05 năm gắn bó với VIS. Trước đó Ông từng giữ vị trí Trưởng phòng Quản lý rủi ro, Giám đốc Giám sát – Phụ trách rủi ro tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương tín.



Ông VŨ HOÀNG MINH

Phó Tổng giám đốc

Ông Vũ Hoàng Minh đã có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính, đặc biệt là mảng Tư vấn Doanh nghiệp (tư vấn mua bán và sáp nhập Doanh nghiệp, tư vấn chiến lược, tư vấn tái cấu trúc Doanh nghiệp...). Ông đã từng đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại Công ty Chứng khoán Quốc tế Việt Nam, Công ty Chứng khoán Ngân hàng ACB.

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC PHÒNG BAN



PHÒNG MÔI GIỚI

Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, phát triển và chào bán các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Tìm kiếm, kết nối và chăm sóc khách hàng là các nhà đầu tư có nhu cầu tham gia thị trường chứng khoán, có tiềm lực tài chính và kiến thức về chứng khoán, thị trường chứng khoán.

PHÒNG DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG

Hỗ trợ xử lý các giao dịch mua bán chứng khoán, thực hiện dịch vụ lưu ký, kế toán giao dịch và các dịch vụ chứng khoán hỗ trợ khác như cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước...

PHÒNG TƯ VẤN TÀI CHÍNH

Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến tài chính và quản trị doanh nghiệp cho khách hàng bao gồm các dịch vụ tư vấn chào bán, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), tư vấn tái cấu trúc, quản trị công ty và định giá cổ phần.

PHÒNG QUẢN TRỊ RỦI RO

Thống kê, đánh giá và đo lường các hình thái rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của các phòng/ban nghiệp vụ, kinh doanh. Đề xuất và triển khai các giải pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro. Giám sát hoạt động, đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Hạch toán kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân tích và giám sát tài chính Công ty.

BP. KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Thực hiện và duy trì tính hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của đơn vị trong việc, đảm bảo độ tin cậy của báo cáo tài chính, đảm bảo hiệu quả, hiệu suất hoạt động, tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan.

PHÒNG PHÂN TÍCH

Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu vĩ mô, thị trường, ngành, công ty, lập các báo cáo có liên quan và cung cấp thông tin, báo cáo cho các đối tượng sử dụng khác nhau trong và ngoài Công ty.

PHÒNG HÀNH CHÍNH NHÂN SỰ

Thực hiện các công việc hành chính văn phòng, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp luôn diễn ra liên tục, hiệu quả.

PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Đảm bảo duy trì hệ thống CNTT của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của VIS.

TẦM NHÌN SỨ MỆNH GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TẦM NHÌN

Chúng tôi xây dựng Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thành một Công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ tư vấn và thị trường vốn cho Khách hàng.

SỨ MỆNH

- Xây dựng một đội ngũ nhân lực có chuyên môn cao và tạo dựng một văn hóa kinh doanh chuyên nghiệp.
- Cung cấp các giải pháp thị trường vốn toàn diện, các tiện ích gia tăng và các dịch vụ đầu tư cho khách hàng.
- Thiết lập liên minh với các định chế tài chính, xây dựng cộng đồng các nhà đầu tư chuyên nghiệp tại Việt Nam.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

HƯỚNG ĐẾN KHÁCH HÀNG

Lợi ích của khách hàng là ưu tiên hàng đầu của VIS. Thành công của VIS đến từ thành công của khách hàng.

CÔNG BẰNG - TRUNG THỰC

Đây là các cốt lõi nền tảng trong quan hệ mà VIS xây dựng với khách hàng, với đối tác và nhân viên của VIS.

DỊCH VỤ HOÀN HẢO

VIS đo lường chất lượng dịch vụ của mình bằng chính giá trị mà VIS mang lại cho khách hàng.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu chủ yếu của công ty

Công ty được thành lập để hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực đầu tư tài chính, chứng khoán với mục tiêu thu lợi nhuận; tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động; mang lại cổ tức cao cho các cổ đông; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Hướng tới mục tiêu trở thành một trong những Công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán, từng bước nâng tầm vị thế trong hoạt động kinh doanh, VIS đã có những chiến lược trung và dài hạn tập trung vào việc xây dựng các yếu tố mang tính nền tảng như sau:

- **Nhân sự:** Phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng cao, luôn tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động cho toàn thể nhân sự của Công ty để có thể phát huy hết lợi thế của mình. Bên cạnh đó VIS luôn đề cao nền tảng đạo đức nghề nghiệp cho tất cả nhân sự của mình, nhằm đạt được sự hài lòng và tin tưởng của khách hàng.
- Công nghệ: Xây dựng hệ thống công nghệ hỗ trợ tốt nhất cho các nhu cầu của khách hàng và vận hành Công ty. Đảm bảo cung cấp cho khách hàng hệ thống giao dịch thuận lợi, nhanh chóng, chính xác, an toàn và ổn định.
- **Sản phẩm:** Không ngừng hoàn thiện, phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ cung cấp nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng, nâng cao năng lực cạnh tranh với các Công ty chứng khoán khác. Luôn lấy sự hài lòng và lợi ích của khách hàng trong khuôn khổ của pháp luật để đánh giá sự thành công của sản phẩm.
- **Tài chính:** Tăng cường năng lực tài chính để đáp ứng được tốt nhất những yêu cầu về sản phẩm tài chính của khách hàng và về mục tiêu đầu tư kinh doanh của Công ty trong mọi tình huống.
- **Quản trị rủi ro:** Tăng cường năng lực quản trị rủi ro song song với việc nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- **Quản trị chi phí:** Kiểm soát chi phí chặt chẽ, giảm thiểu các chi phí không cần thiết

Các mục tiêu phát triển bền vững

VIS hoạt động kinh doanh trên nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.

Công ty luôn ưu tiên phát triển bền vững trên cơ sở xây dựng các giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, bao gồm tài sản, con người và văn hóa Công ty. Trong ngắn hạn, Công ty tập trung xây dựng hệ thống quản trị minh bạch nhất có thể, đáp ứng được đầy đủ các quy định, tiêu chuẩn về minh bạch theo thông lệ tốt nhất. Đây chính là nền tảng đảm bảo cho cộng đồng nhà đầu tư, nhân viên Công ty tin tưởng vào hoạt động, sự phát triển của Công ty. Minh bạch cũng là một nội dung trong hoạt động xây dựng văn hóa Công ty.

CÁC RỦI RO

RỦI RO DO HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi hệ thống, quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp hoặc rủi ro do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ những khoản chi phí hoặc rủi ro, lỗi từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác, ví dụ: nhân viên gian lận, môi giới giả mạo chữ ký khách hàng, đặt nhầm lệnh... Để phòng tránh các rủi ro này, Công ty thường xuyên xây dựng, rà soát, cập nhật, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hệ thống quy trình nghiệp vụ; Xây dựng phương án dự phòng cho các tình huống khẩn cấp; hệ thống dự phòng kỹ thuật, dữ liệu cho một số bộ phận nghiệp vụ; Thường xuyên đào tạo, tổ chức đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng mềm, đạo đức hành nghề cho cán bộ nhân viên; Xây dựng kế hoạch, huy động nguồn vốn cần thiết đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

RỦI RO THANH TOÁN

Xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết, dẫn tới tổn thất về vốn cho Công ty. Rủi ro thanh toán xảy ra khi VIS cho phép khách hàng sử dụng đòn bẩy tài chính cao mà công tác quản trị rủi ro chưa theo sát nên phải gánh chịu các khoản lỗ khi khách hàng mất khả năng thanh toán. Công ty đã thực hiện xây dựng hành lang pháp lý trong các cam kết với đối tác, trong các điều khoản Hợp đồng đảm bảo có chế tài chặt chẽ, có biện pháp xử lý thích hợp nếu đối tác, khách hàng không thực hiện đúng cam kết thanh toán đúng hạn; Phân tích, đánh giá chính xác, theo dõi, cảnh báo sớm đối với loại tài sản nhận làm tài sản bảo đảm của khách hàng, đối tác; Xây dựng cơ chế bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các giao dịch với các đối tác và khách hàng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của đối tác, khách hàng; Thường xuyên theo dõi, đảm bảo khách hàng, đối tác luôn thanh toán theo tiến độ hợp đồng để giảm thiểu rủi ro khó thu tiền của khách hàng; Cảnh báo sớm nếu có dấu hiệu khó thu hồi.

RỦI RO THANH KHOẢN

Xảy ra khi Công ty chứng khoán không cân đối kịp nguồn vốn để thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc các yêu cầu thanh toán của khách hàng do việc quản lý các khoản đầu tư tiền gửi, các khoản vay và cho vay thiếu chặt chẽ, hoặc do không quản lý tách bạch tiền của nhà đầu tư dẫn tới vô tình hoặc cố ý lạm dụng tiền gửi của khách hàng. Công ty chứng khoán cũng gặp rủi ro thanh khoản khi các tài sản mà Công ty đầu tư vào, hoặc các tài sản khách hàng sử dụng để đảm bảo các khoản vay có khả năng thanh khoản thấp, dẫn tới Công ty chứng khoán không thể chuyển đổi những tài sản này thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn khi thị trường thiếu hụt thanh khoản. Để quản trị rủi ro này, Công ty đã dự trữ nguồn tiền mặt cần thiết đảm bảo khả năng thanh khoản của VIS; Duy trì, đa dạng hóa đối tác cho VIS vay ngắn hạn với lãi suất hợp lý; Xây dựng hệ thống báo cáo thường xuyên, quản lý dòng tiền toàn Công ty, theo dõi trạng thái thanh khoản, cảnh báo sớm nếu có sự thiếu hụt thanh khoản trong tương lai; Luôn duy trì và đảm bảo tỷ lệ cao giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn; Thường xuyên rà soát danh mục tài sản, danh mục đầu tư; Đa dạng hóa danh mục tài sản và công nợ theo hướng tăng tính thanh khoản. Trong trường hợp đặc biệt, VIS có thể chuyển nhượng, bán... được tài sản của mình để đáp ứng nhu cầu thanh khoản.

RỦI RO PHÁP LÝ

Xảy ra khi Công ty vi phạm các quy định hiện hành dẫn tới thực hiện sai và các tranh chấp kiến tụng xảy ra. Việc tuân thủ các quy định hiện hành được Ban điều hành và bộ phận quản trị rủi ro luôn giám sát chặt chẽ, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật ban hành và có các hướng dẫn cụ thể cho các bộ phận có liên quan cập nhật và tuân thủ thực hiện. Ngoài ra, VIS tổ chức đào tạo nội bộ hoặc cử cán bộ nhân viên tham gia các khóa đào tạo liên quan tới những vấn đề pháp lý; Xây dựng hệ thống kiểm soát tuân thủ nội bộ; bộ phận Pháp chế hoạt động chuyên nghiệp có khả năng kiểm soát được các rủi ro pháp lý; Xây dựng, cập nhật các Quy chế, quy trình, Hợp đồng đảm bảo tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền lợi của Công ty; Cơ cấu tổ chức của Công ty theo hướng gọn nhẹ, phân chia trách nhiệm, quyền hạn rõ ràng; Thuê chuyên gia pháp lý, đơn vị tư vấn pháp lý để thực hiện một số vụ việc phức tạp (nếu cần).





PHẦN 2
BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
NĂM 2024

KINH TẾ VĨ MÔ NĂM 2024

- ❖ **Tăng trưởng GDP:** Năm 2024, Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam tăng 7,09% so với năm 2023, đạt khoảng 476,3 tỷ USD. Đây là mức tăng trưởng cao hơn so với mức 5,05% của năm 2023, cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế sau những biến động toàn cầu. Đặc biệt, quý IV/2024 ghi nhận mức tăng trưởng 7,55%, cao nhất trong hơn hai năm qua.
- ❖ **Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và lạm phát:** Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2024 tăng 3,63% so với năm trước, nằm trong mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4,5% mà Chính phủ đề ra. Việc kiểm soát tốt lạm phát đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh và ổn định đời sống người dân.
- ❖ **Tỷ giá và chính sách tiền tệ:** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt nhằm kiểm soát lạm phát và ổn định tỷ giá. Trước những biến động của kinh tế toàn cầu và chính sách thương mại từ các đối tác lớn, đặc biệt là Hoa Kỳ, Việt Nam đã chủ động điều chỉnh chính sách để bảo vệ nền kinh tế. Tỷ giá VND/USD được giữ ổn định, góp phần tạo niềm tin cho nhà đầu tư và doanh nghiệp.
- ❖ **Xuất nhập khẩu:** Hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam tiếp tục khởi sắc trong năm 2024. Kim ngạch xuất khẩu đạt 405,53 tỷ USD, tăng 14,3% so với năm trước, với các mặt hàng chủ lực như điện tử, điện thoại thông minh và dệt may. Kim ngạch nhập khẩu đạt 380,76 tỷ USD, tăng 16,7%, dẫn đến thặng dư thương mại 24,77 tỷ USD. Sự gia tăng này phản ánh nhu cầu tiêu dùng nội địa và sự phục hồi của các ngành sản xuất.
- ❖ **Đầu tư công:** Chính phủ đã đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng. Nhiều dự án quan trọng được phê duyệt, bao gồm việc xây dựng các tuyến đường cao tốc và tuyến đường sắt kết nối cảng biển phía Bắc với Trung Quốc, với tổng vốn đầu tư ước tính 8,3 tỷ USD. Việc tăng cường đầu tư hạ tầng không chỉ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mà còn cải thiện kết nối vùng và quốc tế.
- ❖ **Triển vọng kinh tế năm 2025:** Bước sang năm 2025, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ít nhất 8%, cao hơn so với mục tiêu trước đó là 6,5%-7%. Để đạt được mục tiêu này, Chính phủ dự kiến tiếp tục đẩy mạnh đầu tư công, đặc biệt trong lĩnh vực hạ tầng giao thông và năng lượng. Ngoài ra, việc thu hút đầu tư nước ngoài và mở rộng thị trường xuất khẩu cũng được chú trọng.
- ❖ Tuy nhiên, Việt Nam cũng phải đối mặt với một số thách thức, bao gồm biến động kinh tế toàn cầu và các chính sách thương mại từ các đối tác lớn. Việc kiểm soát lạm phát, ổn định tỷ giá và duy trì thanh khoản hệ thống ngân hàng sẽ là những yếu tố quan trọng để đảm bảo tăng trưởng bền vững. Ngân hàng Nhà nước dự kiến duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt và sẵn sàng điều chỉnh lãi suất khi cần thiết để hỗ trợ nền kinh tế.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2024



- ❖ Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận nhiều biến động đáng chú ý. Chỉ số VN-Index kết thúc năm ở mức 1.266,78 điểm, tăng 12,11% so với cuối năm 2023. Tuy nhiên, phần lớn đà tăng tập trung trong quý I, trong khi ba quý còn lại thị trường dao động trong biên độ hẹp, nhiều lần không vượt qua ngưỡng 1.300 điểm.
- ❖ Thanh khoản thị trường cải thiện với giá trị giao dịch bình quân đạt 21,1 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng 19,9% so với bình quân năm trước. Sự sôi động này chủ yếu đến từ nhà đầu tư cá nhân trong nước, bất chấp việc khối ngoại bán ròng kỷ lục gần 94.450 tỷ đồng trên toàn thị trường.
- ❖ Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp niêm yết mới trong năm 2024 đạt mức thấp kỷ lục, với chỉ 10 doanh nghiệp lên sàn. Điều này đặt ra thách thức trong việc thu hút thêm hàng hóa chất lượng cho thị trường.
- ❖ Nhìn chung, thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 duy trì đà tăng trưởng ổn định, dù phải đối mặt với nhiều thách thức từ yếu tố ngoại biên và biến động kinh tế toàn cầu. Việc cải thiện khung pháp lý và tăng cường minh bạch được kỳ vọng sẽ tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của thị trường trong những năm tới.

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2024

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 2023 | 2024 |
|-----|---------------------------|---------|---------|
| 1 | Tổng Tài sản | 607.158 | 438.894 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 396.001 | 409.734 |
| 3 | Vốn điều lệ | 300.000 | 300.000 |
| 4 | Tổng Doanh thu | 74.773 | 58.784 |
| 5 | Tổng Chi phí | 44.546 | 41.910 |
| 6 | Tổng Lợi nhuận trước thuế | 30.226 | 16.874 |
| 7 | Lợi nhuận sau thuế | 24.267 | 13.733 |

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2024

❖ **Hoạt động môi giới:** Trong điều kiện thị trường chứng khoán năm 2024 có nhiều bất lợi, đội ngũ môi giới của VIS đã chủ động bám sát khách hàng, tập trung vào chất lượng tư vấn và hiệu quả danh mục đầu tư đảm bảo NAV của khách hàng. Hoạt động môi giới vẫn là hoạt động mang lại doanh thu lớn cho VIS trong năm 2024 đạt 17,42 tỷ đồng, với tổng số 12.748 tài khoản có tổng giá trị giao dịch 44 tỷ đồng/ngày giao dịch, chiếm 0,1% thị phần môi giới của toàn thị trường bình quân cả năm 2024.

❖ **Hoạt động cho vay ký quỹ:** Hoạt động cho vay ký quỹ có sự tăng trưởng trong năm 2024 nhờ vào việc chủ động bám sát thị trường, điều chỉnh chính sách, danh mục cho vay kịp thời và phù hợp với nhu cầu của khách hàng. VIS tập trung tư vấn cho vay các mã chứng khoán của doanh nghiệp có vốn hoá lớn, hoạt động kinh doanh hiệu quả, tình hình tài chính an toàn. Ngoài ra, VIS cũng tư vấn cho vay các mã chứng khoán phù hợp với khẩu vị rủi ro của từng khách hàng nhằm gia tăng hiệu quả đầu tư cho khách hàng và đẩy mạnh dư nợ cho vay ký quỹ của Công ty. Dư nợ ký quỹ bình quân đạt 154,89 tỷ đồng, tăng +29,7% so với năm 2023. Doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ đạt 19,20 tỷ đồng chiếm 32,67% tổng doanh thu, tăng 17,77% so với năm 2023. Chất lượng các khoản vay ký quỹ đạt tốt.

❖ **Hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư:** Trong năm 2024, VIS tiếp tục tập trung vào các nghiệp vụ tư vấn M&A, tư vấn và đại lý phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các dịch vụ giá trị cao khác. Doanh thu ròng từ hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư của toàn Công ty đạt 14,86 tỷ đồng (chiếm 25,3% tổng doanh thu). Tuy nhiên do phần lớn các Hợp đồng tư vấn doanh nghiệp, tư vấn M&A đang trong giai đoạn thực hiện, chưa ghi nhận được doanh thu nên doanh thu từ hoạt động tư vấn và ngân hàng đầu tư năm 2024 sụt giảm so với cùng kỳ năm trước.

❖ **Hoạt động nhân sự đào tạo:** Tính đến 31/12/2024, tổng số CBNV của VIS đạt 69 người. Nhân sự của VIS phát sinh tăng 09 nhân sự mới và giảm 10 nhân sự tính từ thời điểm tháng 01/2024.

❖ **Hoạt động công nghệ thông tin:** Trong năm 2024 hoạt động công nghệ thông tin ghi nhận nhiều điểm tích cực, hỗ trợ cho cả kinh doanh và vận hành của Công ty, cụ thể:

- Hoàn thành các công việc chuẩn bị cho KRX Golive;
- Gia tăng các tính năng trên nền tảng giao dịch trực tuyến, hỗ trợ nhà đầu tư ra quyết định đầu tư nhanh chóng và hiệu quả
- Hoàn thiện bộ giải pháp Open Api (kết nối thanh toán với BIDV, Omni OCB,...);
- Hoàn thiện hệ thống eKYC và eContract;
- Golive hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ;
- Golive website mới của Công ty;
- Tập trung phát triển hệ thống bảo mật nhằm hạn chế các rủi ro an ninh mạng. Tổ chức các buổi đào tạo nội bộ tăng cường nhận thức cho CBCNV về bảo mật và phòng chống chống lừa đảo;
- Đang triển khai dự án về trung tâm dữ liệu sẵn sàng đưa vào hỗ trợ kinh doanh và vận hành.

❖ **Hoạt động quản trị rủi ro:** Hoạt động QTRR được kiểm soát tốt ở các mảng hoạt động

- Không phát sinh rủi ro tín dụng mặc dù dư nợ vay margin tăng gần 30% so với năm 2023;
- Rủi ro thanh khoản không đáng kể khi tỷ lệ nợ vay trên vốn chủ ở mức thấp;
- Rủi ro hoạt động: Trong năm không phát sinh các vấn đề về lỗi giao dịch và vận hành hệ thống;
- Tỷ lệ an toàn tài chính đảm bảo mức tối thiểu trên 190%, đạt 265,6%.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | % thực hiện so với kế hoạch năm |
|-----|----------------------|-------------------|--------------------|---------------------------------|
| 1 | Tổng Doanh thu | 162.450 | 58.784 | 36,2% |
| 2 | Tổng Chi phí | 83.950 | 41.910 | 49,9% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 78.501 | 16.874 | 21,5% |
| 4 | Vốn điều lệ | 300.000 | 300.000 | 100% |

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2024

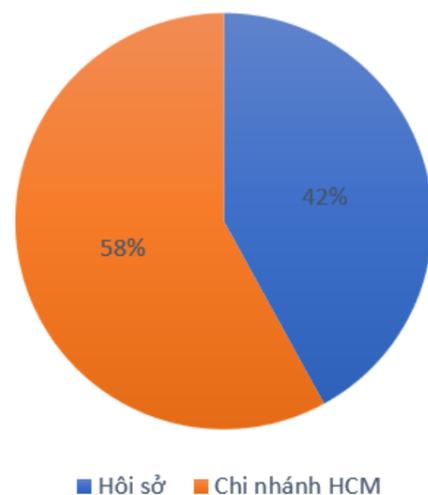
Trong bối cảnh sự khó khăn chung của thị trường chứng khoán trong năm 2024, mặc dù đã có sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành cũng như sự nỗ lực của toàn thể Cán bộ nhân viên, kết quả hoạt động kinh doanh của năm 2024 của Công ty đã không đạt được kết quả mong đợi, không hoàn thành kế hoạch, các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận trước thuế chỉ đạt được khoảng 36,2% và 21,5% so với kế hoạch đặt ra của năm 2024.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

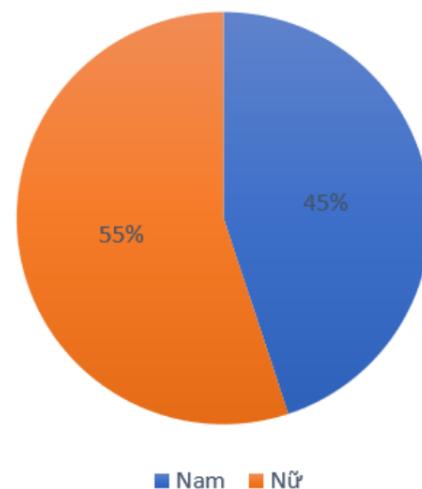
CƠ CẤU NHÂN SỰ

- **Tổng số lượng nhân sự của Công ty là 69 người, trong đó:**
 - + Cơ cấu theo địa bàn kinh doanh: có 29 nhân sự (chiếm 42%) tại Hội sở và 40 nhân sự (chiếm 58%) tại Chi nhánh Hồ Chí Minh
 - + Cơ cấu nhân sự theo giới tính: có 31 Nam (chiếm 45%) và 38 Nữ (chiếm 55%)

Cơ cấu nhân sự theo địa bàn kinh doanh



Cơ cấu nhân sự theo giới tính



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu VIS sở hữu | Tỷ lệ % sở hữu cổ phiếu VIS |
|-----|------------------|-------------------------------|------------------------------|-----------------------------|
| 1 | Dương Kỳ Hiệp | Tổng Giám đốc | 0 | 0 |
| 2 | Vĩnh Bảo Quốc | Phó Tổng Giám đốc thường trực | 0 | 0 |
| 3 | Vũ Hoàng Minh | Phó Tổng Giám đốc | 0 | 0 |
| 4 | Trần Văn Toàn | Giám đốc chi nhánh | 0 | 0 |
| 5 | Nguyễn Quỳnh Mai | Kế toán trưởng | 0 | 0 |

- **Chính sách tiền lương, phụ cấp và Bảo hiểm:**
 - + Về tiền lương: Công ty đã xây dựng quy chế lương nhằm đáp ứng cơ cấu tổ chức của Công ty, chính sách lương luôn đảm bảo sự khuyến khích đóng góp của người lao động, và phù hợp với quy định của pháp luật.
 - + Về phụ cấp và Bảo hiểm: Toàn bộ các nhân viên được Công ty ký kết hợp đồng lao động chính thức đều được hưởng các chế độ phụ cấp và BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật.
- **Chính sách đào tạo:** Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hàng năm nhằm nâng cao trình độ của cán bộ nhân viên. Hỗ trợ nguồn kinh phí cho cán bộ nhân viên theo học các khóa học do UBCKNN, do các Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức.
- **Chế độ khen thưởng, phúc lợi:** Được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, cán bộ nhân viên được hưởng chế độ nghỉ mát, chế độ thưởng các dịp lễ, tết nhằm động viên khuyến khích người lao động.
- **Chế độ việc làm:** Công ty luôn tuân thủ quy định về pháp luật lao động, như làm việc 8 giờ/ngày, nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ ốm, nghỉ thai sản.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Không có

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ , TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tại thời điểm 31/12/2024 Công ty đang nắm giữ 1 khoản đầu tư tài chính lớn.

| STT | Tên chứng khoán | Số lượng | Giá thị trường (VNĐ) |
|-----|---|-----------|----------------------|
| 1 | Trái phiếu Công ty cổ phần Toàn Hải Vân | 1.082.700 | 108.720.000.000 |

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2024

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có



CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2024

KỶ NIỆM SINH NHẬT LẦN THỨ 18

Kỷ niệm sinh nhật lần thứ 18, VIS ghi nhận công lao của CBNV bằng giải thưởng và bằng khen "vinh danh CBNV gắn bó với VIS", CBNV có thành tích sắc xuất..., gắn kết mọi người bằng những trò chơi "kịch tính" với những phần quà vô cùng "chất", và cùng nhiều giải thưởng siêu hấp dẫn khác. Phải nói rằng, tiệc chúc mừng sinh nhật VIS diễn ra vô cùng ấm cúng và vui vẻ với sự góp mặt đầy đủ khách mời và toàn bộ nhân viên.



NOEL 2024 CÙNG VIS

Đại gia đình VIS đã có một mùa Noel ấm áp, cùng nhau chia sẻ các món quà ý nghĩa mà mỗi người đã tự chuẩn bị cho các thành viên còn lại.



ĐÀO TẠO NỘI BỘ

Trong năm 2024, VIS đã tổ chức được rất nhiều khóa đào tạo nội bộ để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cũng như hoàn thiện các kỹ năng mềm cho các thành viên của VIS sẵn sàng hoàn thành tốt công việc. Ngoài ra, CBCNV cũng tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, tập huấn, huấn luyện cập nhật các quy định mới của pháp luật liên quan đến lĩnh vực chứng khoán, quản trị Công ty và lấy các chứng chỉ hành nghề chứng khoán.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | 01/01/2024 | 31/12/2024 | Tăng trưởng |
|-----|----------------|------------|------------|-------------|
| 1 | Tổng tài sản | 607.158 | 438.894 | -27,71% |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 396.001 | 409.733 | 3,47% |
| 3 | Vốn điều lệ | 300.000 | 300.000 | 0,00% |

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2024

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Tăng trưởng |
|-----|----------------------------|----------|----------|-------------|
| 1 | Tổng Doanh thu | 74.773 | 58.786 | -21% |
| 2 | Tổng Chi phí | 44.546 | 41.912 | -6% |
| 3 | Tổng LN trước thuế | 30.226 | 16.873 | -44% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 32.465 | 13.732 | -58% |
| 5 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 0 | 0 | 0% |

Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2024

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

| Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 |
|--|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | 2,81 | 14,75 |
| + Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn | 2,81 | 14,75 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| + Tổng Nợ/Tổng tài sản | 0,35 | 0,07 |
| + Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu | 0,53 | 0,07 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| + Vòng quay tổng tài Sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân) | 0,14 | 0,11 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| + Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | 6,13% | 3,35% |
| + Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | 4,00% | 3,13% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 32,45% | 23,36% |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | 64,55% | 50,42% |

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

- **Tổng số cổ phần :** 30.000.000 cổ phần
- **Mệnh giá cổ phần :** 10.000 đồng
- **Loại cổ phần đang lưu hành :** 30.000.000 cổ phần phổ thông
- **Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:** 30.000.000 cổ phần phổ thông
- **Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:** 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

- Cơ cấu cổ đông theo tỉ lệ sở hữu:

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
|------------------|-----------------------------------|------------------|-------------------|------------|
| 1 | Cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên | 01 | 25.617.732 | 85,39 |
| 2 | Cổ đông nắm giữ từ 1% đến dưới 5% | 03 | 2.783.759 | 9,28 |
| 3 | Cổ đông nắm giữ dưới 1% | 67 | 1.598.509 | 5,33 |
| TỔNG CỘNG | | 71 | 30.000.000 | 100 |

- Cơ cấu cổ đông theo vị trí địa lý:

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
|------------------|-------------------|------------------|-------------------|------------|
| 1 | Trong nước | | | |
| | Cá nhân | 62 | 1.216.682 | 4,06 |
| | Tổ chức | 06 | 28.653.318 | 95,51 |
| 2 | Nước ngoài | | | |
| | Cá nhân | 03 | 130.000 | 0,43 |
| | Tổ chức | 0 | 00 | 0 |
| TỔNG CỘNG | | 71 | 30.000.000 | 100 |

- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA SỞ HỮU

| Lần | Thời gian hoàn thành | Vốn điều lệ tăng thêm (1,000 VND) | Vốn điều lệ sau phát hành (1,000 VND) | Hình thức phát hành |
|-----|----------------------|-----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | 15/09/2014 | | 60.000.000 | Thành lập Công ty |
| 2 | 20/10/2016 | 90.000.000 | 150.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu |
| 3 | 02/11/2021 | 150.000.000 | 300.000.000 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu |

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2024 VIS không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TIÊU THỤ NGUỒN NƯỚC

Do đặc thù là công ty cung cấp dịch vụ nên Công ty không sử dụng nhiều điện, nước như các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác như sản xuất, chế biến... Tuy vậy, Công ty luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường trong hoạt động kinh doanh với việc nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân viên trong việc bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Số lần bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có**

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Xem phần Tổ chức nhân sự: trang 21

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- Tích cực tham gia các chương trình kêu gọi thành lập các quỹ cứu trợ dành cho các cá nhân có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào vùng cao và các vùng bị thiên tai do công đoàn địa phương tổ chức.
- Cung cấp các chương trình thực tập dành cho các sinh viên mới ra trường, đào tạo và trao cơ hội việc làm cho những sinh viên thực sự có khả năng và có tố chất.
- Tích cực tham gia các chương trình hội thảo, tập huấn do các cơ quan chức năng tổ chức như UBCKNN, HNX, HOSE, cơ quan thuế, BHXH, ...

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN

Không phát sinh

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÂY XANH VĂN PHÒNG CỦA VIS (HCM)





PHẦN 3

**BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2023 | Năm 2024 | Tăng trưởng |
|-----|----------------------|----------|----------|-------------|
| 1 | Tổng Doanh thu | 74.774 | 58.784 | -21,38% |
| 2 | Tổng Chi phí | 44.548 | 41.910 | -5,92% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 30.226 | 16.874 | -44,17% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 24.267 | 13.733 | -43,41% |

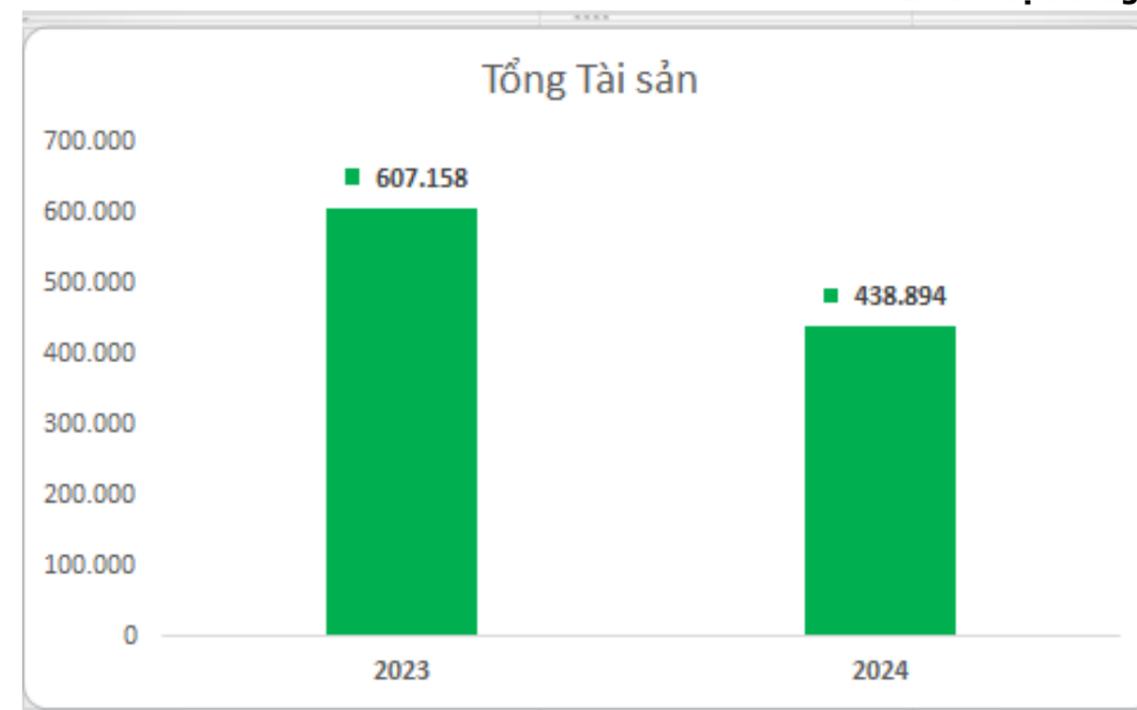
Năm 2024, Thị trường chứng khoán đã khởi sắc tuy nhiên xu hướng chính vẫn là trạng thái đi ngang, thiếu hụt thanh khoản và chịu áp lực bán ròn từ các nhà đầu tư nước ngoài. Ngành chứng khoán có sự phân hóa mạnh giữa các công ty, ngoài một số công ty chứng khoán lớn ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận tốt thì các công ty chứng khoán tầm trung và nhỏ lại sụt giảm lợi nhuận từ 10% - 30% so với cùng kỳ. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực nhưng kết quả hoạt động kinh doanh của VIS không như mong đợi. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều thấp hơn so với năm 2023.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tổng tài sản của Công ty đạt 438,8 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2024, giảm 27,71% so với cùng kỳ năm 2023, chủ yếu do sự sụt giảm của các khoản cho vay và các khoản phải thu ngắn hạn.

ĐVT: triệu đồng



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Trong năm 2024, ngoài nguồn vốn chủ sở hữu phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, VIS chỉ phát sinh quan hệ tín dụng với NHTMCP Phương Đông (OCB). Số dư nợ tại OCB vào thời điểm ngày 01/01/2024 là 182 tỷ đồng, số dư nợ tại OCB vào thời điểm ngày 31/12/2024 là 05 tỷ đồng, nợ phát sinh tăng và giảm trong kỳ lần lượt là 596 tỷ đồng và 773 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2024 đạt 409,7 tỷ đồng, chiếm 93,4%/Tổng nguồn vốn.

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ phải trả quá hạn nào, bao gồm cả các khoản nợ thanh toán đến hạn với các cơ quan Nhà nước như: BHXH, BHYT, Thuế, các Sở giao dịch chứng khoán và VSDC... Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm với cộng đồng, với các cơ quan quản lý Nhà nước, các đối tác và bạn hàng trong quan hệ kinh doanh và hợp tác.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Quản lý nhân sự, tập trung vào nâng cao vai trò và giá trị của bộ máy nhân sự kinh doanh. Tuyển dụng và đào tạo các thể hệ kế cận nhân sự trẻ, tâm huyết và có trách nhiệm. Chính sách quản lý và kinh doanh của Công ty hướng tới các mục tiêu phát triển kinh doanh: ổn định, bền vững, an toàn và nâng cao nhận thức về đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhân sự, bao gồm và không giới hạn: Ban Tổng giám đốc, các vị trí quản lý cấp trung và đội ngũ nhân sự kinh doanh, Môi giới... Bên cạnh đó, Công ty tập trung đầu tư và phát triển các tiện ích, công cụ giao dịch trực tuyến nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, tăng lợi ích giao dịch cho nhà đầu tư và góp phần giảm thiểu các chi phí hoạt động liên quan.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Năm 2025 là năm bản lề đánh dấu sự chuyển mình của VIS, trong đó các nhiệm vụ trọng tâm được đề ra như sau:

1. Tăng vốn giúp nâng cao năng lực tài chính, nâng cao khả năng đáp ứng các dịch vụ, sản phẩm cho Khách hàng;
2. Xây dựng chiến lược đưa VIS trở thành công ty chứng khoán theo mô hình Ngân Hàng Đầu Tư dẫn đầu tại Việt Nam, với 3 mũi nhọn hoạt động:
 - **Ngân Hàng Đầu Tư:** cung cấp đầy đủ các dịch vụ tư vấn tài chính toàn diện từ DCM đến ECM cho toàn bộ các phân khúc Khách Hàng, lấy khách hàng làm trọng tâm và tối ưu hóa giá trị dài hạn;
 - **Kinh doanh Vốn và Tự Doanh:** linh hoạt, tối ưu hoá các kênh huy động vốn, là mắt xích luân chuyển Vốn giữa ngân hàng, định chế tài chính và các nhà đầu tư, qua đó đa dạng hoá và tối đa hoá lợi ích sử dụng Vốn thông qua danh mục sản phẩm dịch vụ và hoạt động Đầu tư;
 - **Dịch Vụ Chứng Khoán:** Xây dựng nền tảng công nghệ tài chính mang đến giải pháp quản lý tài sản vượt trội cho các phân khúc Khách hàng.
3. Thay đổi Tên và Nhận diện thương hiệu Công Ty, định vị và phủ sóng thương hiệu Công ty chứng khoán mô hình Ngân Hàng Đầu Tư.
4. Xây dựng các chính sách và sản phẩm phù hợp các hoạt động thực tế, đảm bảo tính cạnh tranh và thúc đẩy hiệu quả kinh Doanh, nâng cao trải nghiệm Khách hàng, tối ưu quy trình và giảm thiểu chi phí Vận hành

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán – Tài chính, Công ty luôn ý thức và nhận định việc bảo vệ môi trường nhằm bảo vệ sức khỏe cho người lao động, khách hàng và cộng đồng xã hội. Công ty luôn chú trọng đến việc tiết kiệm tiêu thụ điện năng thông qua việc định kỳ kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng hệ thống Máy móc thiết bị và thay thế ngay khi cần thiết.

Đối với quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người lao động, Công ty cũng luôn chú trọng thông qua việc tuân thủ đầy đủ các quy định về BHXH, BHYT, BHTN và có những chính sách về phúc lợi dành cho người lao động phù hợp với thực tế hoạt động. Công ty luôn xác định “Con người là chủ thể của mọi hoạt động kinh doanh - Nhân lực là nền tảng của sự phát triển”, do đó, Công ty xây dựng các chính sách về lương, thưởng phù hợp với thực tiễn kinh doanh theo xu hướng tăng dần qua từng thời kỳ, quan tâm đến đời sống tinh thần và sức khỏe của đội ngũ CBNV thông qua việc khám sức khỏe định kỳ, tổ chức nghỉ dưỡng, tham quan, du lịch cho CBNV hàng năm. Qua đó, góp phần tạo sự đoàn kết, gắn bó của đội ngũ nhân sự, đồng lòng, chung sức vì mục tiêu chung của Công ty và của cộng đồng ngành Chứng khoán.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



PHẦN 4

**ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY**

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024, thị trường chứng khoán Việt Nam đối mặt với nhiều thách thức khi xu hướng chung của thị trường đi ngang, thanh khoản sụt giảm, tâm lý nhà đầu tư thận trọng hơn, trong đó nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh. Việc Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt giúp giảm áp lực lãi suất, nhưng dòng tiền trên thị trường chứng khoán chưa thực sự cải thiện đáng kể. Các yếu tố vĩ mô như xuất khẩu tăng trưởng chậm, bất động sản phục hồi yếu và áp lực từ thị trường quốc tế khiến VN-Index khó có sự bứt phá mạnh mẽ. Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh của VIS chịu tác động đáng kể, tổng Doanh thu năm 2024 đạt 58.784 triệu đồng, giảm 21,4% so với Doanh thu cùng kỳ năm 2023 và chỉ đạt 36,2% kế hoạch năm 2024. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 16.874 triệu đồng, giảm 44,2 % so với LNTT cùng kỳ năm 2023 và đạt 21,5% kế hoạch năm 2024.

ĐVT: triệu đồng

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2024 | Thực hiện 2024 | Thực hiện 2023 | % TH 2024/ KH 2024 | % tăng trưởng so với 2023 |
|---------------------------|---------------|----------------|----------------|-----------------------|---------------------------------|
| Tổng doanh thu công ty | 162.450 | 58.784 | 74.773 | 36,19% | -21,38% |
| Tổng chi phí công ty | 83.950 | 41.910 | 44.546 | 49,92% | -5,92% |
| Tổng lợi nhuận trước thuế | 78.501 | 16.874 | 30.226 | 21,49% | -44,17% |
| Vốn điều lệ | 300.000 | 300.000 | 300.000 | | |

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TGD

- HĐQT thường xuyên chỉ đạo Ban TGD về các vấn đề liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, đưa ra chủ trương, quyết sách kịp thời phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, tình hình kinh tế, tuân thủ đúng quy định pháp luật;
- Ban TGD tiếp nhận chỉ đạo và triển khai biện pháp thực hiện nhiệm vụ mà HĐQT giao phó, thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động Công ty qua báo cáo trực tiếp và báo cáo bằng văn bản định kỳ;
- Ban TGD xây dựng và ban hành hệ thống quy trình, quy định, tạo cơ sở cho các hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty;

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

I. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC:

Phát triển VIS trở thành công ty chứng khoán theo mô hình Ngân Hàng Đầu Tư dẫn đầu tại thị trường Việt Nam, cung cấp đầy đủ các dịch vụ tài chính toàn diện cho toàn bộ phân khúc khách hàng với các mục tiêu như sau:

- TOP 05 về cung cấp Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư.
- TOP 05 về mảng phân phối sản phẩm Wealth, Đầu tư và Kinh Doanh nguồn vốn.
- TOP 15 thị phần Môi giới chứng khoán.
- TOP 15 Vốn Điều Lệ.

II. PHƯƠNG HƯỚNG TRIỂN KHAI:

- Tăng vốn điều lệ lên mức 1200 tỷ đồng;
- Tái định vị thương hiệu và đổi mới hình ảnh công ty;
- Tiếp tục tái cấu trúc và cải tổ toàn bộ hoạt động kinh doanh VIS ở các mảng trọng điểm:
 - Đẩy mạnh cung cấp chuỗi giá trị tích hợp hệ sinh thái công ty mẹ thông qua mô hình kinh doanh hybrid (kết hợp online và offline);
 - Tăng cường hợp tác với các đối tác tổ chức tài chính lớn đặc biệt là đối tác OCB nhằm cung cấp đầy đủ các sản phẩm dịch vụ tài chính cho khách hàng;
 - Tập trung phát triển chuyên sâu và nâng cao theo mô hình Ngân hàng đầu tư, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tài chính giá trị cao;
 - Khai thác tối đa các lợi thế sẵn có, kết hợp triển khai cung cấp đa loại hình dịch vụ cho cùng một tệp khách hàng (tư vấn – đầu tư – thu xếp công cụ tài chính – các dịch vụ môi giới);
 - Đẩy mạnh số hóa và chuyển đổi số, phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin để tăng cường khả năng tiếp cận khách hàng, tạo ra những cơ hội, doanh thu và giá trị mới cao hơn, hiệu quả hơn;
 - Rà soát và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả giám sát, kiểm soát đối với tất cả các mặt hoạt động của Công ty.
 - Tập trung tuyển dụng, đào tạo nhân sự bổ sung cho kế hoạch phát triển của Công ty, đồng thời rà soát lại chính sách đãi ngộ để tạo động lực giữ và phát triển nhân lực.

III. KẾ HOẠCH DOANH THU, LỢI NHUẬN NĂM 2025:

- Hoàn tất tăng vốn điều lệ lên mức 1.200 tỷ đồng;
- Doanh thu tăng trưởng +230% đạt mức 194.000 triệu đồng;
- Lợi nhuận trước thuế tăng trưởng +420% đạt mức 88.000 triệu đồng;
- ROE đạt từ 8% trở lên.



PHẦN 5
QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HĐQT

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số lượng cổ phần VIS sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS |
|-----|------------------------|-------------------|-----------------------------|--------------------------|
| 1 | Ông Võ Quang Long | Chủ tịch HĐQT | 0 | 0% |
| 2 | Ông Nguyễn Thanh Tuyền | Phó chủ tịch HĐQT | 0 | 0% |
| 3 | Ông Đào Duy Hải | Thành viên HĐQT | 0 | 0% |

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Hội đồng đầu tư (HĐĐT)

Hội đồng đầu tư được thành lập theo quyết định của HĐQT, nhằm phụ trách các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh của VIS.

Hội đồng đầu tư gồm có 03 thành viên. Bao gồm 02 thành viên Hội đồng quản trị và 01 thành viên Ban điều hành.

| STT | Thành viên HĐĐT | Chức vụ | Số lượng cổ phần VIS sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS |
|-----|------------------------|-----------------|-----------------------------|--------------------------|
| 1 | Ông Võ Quang Long | Chủ tịch HĐĐT | 0 | 0% |
| 2 | Ông Nguyễn Thanh Tuyền | Thành viên HĐĐT | 0 | 0% |
| 3 | Ông Dương Kỳ Hiệp | Thành viên HĐĐT | 0 | 0% |

Trong năm 2024, Hội đồng đầu tư họp định kỳ, thường xuyên và liên tục, giám sát hoạt động đầu tư của VIS, các hành động, quyết định của HĐĐT luôn đảm bảo phù hợp với mục tiêu chiến lược đã được HĐQT đề ra.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 08 cuộc họp, thông qua những quyết định quan trọng để định hướng hoạt động kinh doanh của Công ty.

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|---------------------------|------------|--|-----------------|
| 1 | 01/2024/NQ-VIS-HĐQT | 02/02/2024 | Thông qua kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024 trình ĐHCĐ | 100% |
| 2 | 02/2024/NQ-VIS-HĐQT | 06/03/2024 | Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2024 | 100% |
| 3 | 03/2024/NQ-VIS-HĐQT | 25/03/2024 | Thông qua việc đề nghị Ngân hàng TMCP Phương Đông cấp hạn mức tín dụng | 100% |
| 4 | 04/2024/NQ-VIS-HĐQT | 26/04/2024 | Thông qua việc bầu Chủ tịch HĐQT | 100% |
| 5 | 05/2024/NQ-VIS-HĐQT | 26/04/2024 | Thông qua ban hành Điều lệ công ty | 100% |
| 6 | 06/2024/NQ-VIS-HĐQT | 22/05/2024 | Thông qua hạn mức, danh mục tự doanh cổ phiếu niêm yết trong năm 2024 | 100% |
| 7 | 07/2024/NQ-VIS-HĐQT | 26/06/2024 | Thông qua hạn mức đầu tư, kinh doanh chứng chỉ tiền gửi | 100% |

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2024, Công ty không có Thành viên HĐQT độc lập.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm

Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Số lượng cổ phần VIS sở hữu | Tỷ lệ sở hữu cổ phần VIS |
|-----|------------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| 1 | Bà Nguyễn Thị Hòa | Trưởng Ban kiểm soát | 0 | 0% |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Thành viên Ban kiểm soát | 0 | 0% |
| 3 | Ông Đinh Khánh Hòa | Thành viên Ban kiểm soát | 0 | 0% |

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2024, Ban Kiểm soát đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật:

- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ và thông báo trong các phiên họp của Hội đồng quản trị.
- Thực hiện các phiên họp định kỳ và bất thường, trao đổi việc giám sát hoạt động quản trị điều hành của Công ty.
- Thực hiện các đợt kiểm tra giám sát tuân thủ, giám sát tình hình hoạt động, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty.
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành.
- Giám sát thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên và Nghị quyết Hội đồng quản trị;
- Tham gia vào các phiên họp Hội đồng quản trị;
- Thông báo đến Hội đồng quản trị, Ban Điều hành (BDH) các nội dung thuộc chức năng Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật;

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của Pháp luật;
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Thực hiện tốt cơ chế phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành:
 - HĐQT, BDH đã tạo điều kiện thuận lợi cho BKS hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ;
 - Các ý kiến, kiến nghị của BKS được HĐQT, BDH ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện kịp thời, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM TOÁN

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:
 - + Tổng thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và chi phí khác đã chi năm 2024 là: 434.000.000 đồng.
 - + Chi phí khác cho HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024: không phát sinh.
- Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: trong năm 2024, CTCP Tư vấn Đầu tư Hướng Việt đã thực hiện mua cổ phiếu của VIS, tăng tỷ lệ sở hữu từ 84,82% lên 85,39%.
- Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.
- Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: HĐQT, Ban tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị Công ty theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty



PHẦN 6

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2024**

BÁO CÁO CỦA HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | TRANG |
|--|---------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 - 4 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG | 5 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG | 8 - 9 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG | 10 - 11 |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | 12 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG | 13 - 32 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

| | |
|------------------------|---|
| Ông Võ Quang Long | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Thanh Tuyền | Thành viên |
| Ông Đào Duy Hải | Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2024) |
| Ông Cao Quế Lâm | Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/04/2024) |

Ban Tổng giám đốc

| | |
|--------------------------|--|
| Ông Nguyễn Đức Quân Tùng | Tổng giám đốc (bổ nhiệm 10/02/2025) |
| Ông Dương Kỳ Hiệp | Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 10/02/2025) |
| Ông Vũ Hoàng Minh | Phó Tổng giám đốc |
| Ông Vĩnh Bảo Quốc | Phó Tổng giám đốc thường trực |

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc,



Nguyễn Đức Quân Tùng
Tổng giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Công ty TNHH Kiểm toán An Việt

Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
W www.anvietcpa.com T (84-24) 6278 2904
E anviet@anvietcpa.com F (84-24) 6278 2905

Số: 21/2025/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam ("gọi tắt là Công ty") được lập ngày 20/02/2025 và được trình bày từ trang 05 đến trang 32 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Thương
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0308-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Trần Thị Trang
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 2909-2025-055-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|--|------------|-------------|------------------------|--|------------------------|--|
| | | | | | | |
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 422.417.999.326 | | 591.812.802.779 | |
| I. Tài sản tài chính | 110 | | 421.116.736.903 | | 590.280.684.088 | |
| 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 111 | 5 | 62.599.400.320 | | 4.990.002.744 | |
| 1.1. Tiền | 111.1 | | 2.099.400.320 | | 4.990.002.744 | |
| 1.2. Các khoản tương đương tiền | 111.2 | | 60.500.000.000 | | - | |
| 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 112 | 7.1 | 122.868.742.329 | | 124.926.775.347 | |
| 3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 113 | 7.2 | 60.000.000.000 | | - | |
| 4. Các khoản cho vay | 114 | 7.3 | 124.401.922.280 | | 381.213.401.300 | |
| 5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp | 116 | 9 | (2.821.256.842) | | (3.080.005.413) | |
| 6. Các khoản phải thu | 117 | 10 | 40.893.610.568 | | 49.316.262.461 | |
| 6.1. Phải thu bán các tài sản tài chính | 117.1 | | 33.156.089.474 | | 31.988.632.920 | |
| 6.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 117.2 | | 7.737.521.094 | | 17.327.629.541 | |
| 6.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | 117.2.4 | | 7.737.521.094 | | 17.327.629.541 | |
| 7. Trả trước cho người bán | 118 | | 86.806.330 | | 562.363.030 | |
| 8. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | 119 | | 1.728.525.201 | | 1.449.450.076 | |
| 9. Các khoản phải thu khác | 122 | 11 | 19.431.628.125 | | 36.581.030.622 | |
| 10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | 129 | 8 | (8.072.641.408) | | (5.678.596.079) | |
| II. Tài sản ngắn hạn khác | 130 | | 1.301.262.423 | | 1.532.118.691 | |
| 1. Tạm ứng | 131 | | 607.584.759 | | 909.540.368 | |
| 2. Chi phí trả trước ngắn hạn | 133 | 12 | 693.677.664 | | 622.578.323 | |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 16.476.152.877 | | 15.345.387.899 | |
| I. Tài sản tài chính dài hạn | 210 | | 900.000.000 | | 900.000.000 | |
| 1. Các khoản đầu tư | 212 | | 900.000.000 | | 900.000.000 | |
| 1.1. Đầu tư dài hạn khác | 212.4 | | 900.000.000 | | 900.000.000 | |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 4.318.181.189 | | 4.199.713.383 | |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 14 | 3.089.412.005 | | 2.506.169.403 | |
| - Nguyên giá | 222 | | 16.306.126.713 | | 16.588.155.409 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223a | | (13.216.714.708) | | (14.081.986.006) | |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 15 | 1.228.769.184 | | 1.693.543.980 | |
| - Nguyên giá | 228 | | 15.299.714.990 | | 15.299.714.990 | |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229a | | (14.070.945.806) | | (13.606.171.010) | |
| III. Tài sản dài hạn khác | 250 | | 11.257.971.688 | | 10.245.674.516 | |
| 1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 251 | | 682.246.219 | | 636.246.219 | |
| 2. Chi phí trả trước dài hạn | 252 | 12 | 751.068.885 | | 988.987.695 | |
| 3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán | 254 | 13 | 9.824.656.584 | | 8.620.440.602 | |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 438.894.152.203 | | 607.158.190.678 | |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

MẪU SỐ B01 - CTCK
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|---|------------|-------------|------------------------|--|------------------------|--|
| | | | | | | |
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 29.160.502.074 | | 211.157.156.009 | |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 28.632.875.492 | | 210.629.529.427 | |
| 1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 311 | | 5.000.000.000 | | 182.000.000.000 | |
| 1.1. Vay ngắn hạn | 312 | 17 | 5.000.000.000 | | 182.000.000.000 | |
| 2. Phải trả người bán ngắn hạn | 320 | 16 | 16.426.820.501 | | 16.432.554.596 | |
| 3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 321 | | 87.500.000 | | 162.500.000 | |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 322 | 18 | 1.704.121.272 | | 2.947.912.029 | |
| 5. Phải trả người lao động | 323 | | 35.394.206 | | 2.392.232.585 | |
| 6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | 324 | | 369.076.433 | | 283.858.084 | |
| 7. Chi phí phải trả ngắn hạn | 325 | 19 | 469.344.927 | | 873.224.314 | |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 327 | | 226.461.396 | | 226.461.396 | |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 329 | 20 | 4.306.171.181 | | 5.279.600.847 | |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 331 | | 7.985.576 | | 31.185.576 | |
| II. Nợ phải trả dài hạn | 340 | | 527.626.582 | | 527.626.582 | |
| 1. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư | 355 | | 527.626.582 | | 527.626.582 | |
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 409.733.650.129 | | 396.001.034.669 | |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 23 | 409.733.650.129 | | 396.001.034.669 | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 300.000.000.000 | | 300.000.000.000 | |
| 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411.1 | | 300.000.000.000 | | 300.000.000.000 | |
| a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411.1a | | 300.000.000.000 | | 300.000.000.000 | |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 414 | | 2.978.056.298 | | 2.978.056.298 | |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 415 | | 3.021.943.702 | | 3.021.943.702 | |
| 4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 416 | | 5.117.661.540 | | 5.117.661.540 | |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | 417 | | 98.615.988.589 | | 84.883.373.129 | |
| 5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | 417.1 | | 98.185.991.655 | | 84.884.120.490 | |
| 5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 417.2 | | 429.996.934 | | (747.361) | |
| TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | 440 | | 438.894.152.203 | | 607.158.190.678 | |

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

| CHỈ TIÊU | Mã Số | Thuyết minh | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | | | |
| 1. Cổ phiếu đang lưu hành | 006 | | 30.000.000 | 30.000.000 |
| 2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK | 008 | 24.1 | 117.004.620.000 | 120.314.840.000 |
| 3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK | 009 | | 1.380.000 | 1.380.000 |
| 4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK | 012 | 24.2 | 2.692.690.000 | 2.692.690.000 |
| B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG | | | | |
| 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư | 021 | 24.3 | 8.519.824.700.000 | 6.498.678.210.000 |
| a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 021.1 | | 6.061.251.070.000 | 3.625.463.540.000 |
| b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng | 021.2 | | 88.713.440.000 | 49.049.020.000 |
| c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | 021.3 | | 2.361.629.760.000 | 2.447.727.510.000 |
| d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | 021.4 | | 40.000 | 40.000 |
| e. Tài sản tài chính chờ thanh toán | 021.5 | | 8.230.390.000 | 376.438.100.000 |
| 2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư | 022 | 24.4 | 18.160.980.000 | 18.160.980.000 |
| a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | 022.1 | | 11.110.980.000 | 11.110.980.000 |
| b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 022.2 | | 7.050.000.000 | 7.050.000.000 |
| 3. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư | 023 | | 7.862.560.000 | 256.283.900.000 |
| 4. Tiền gửi của khách hàng | 026 | | 66.894.589.826 | 448.257.066.629 |
| 4.1. Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 027 | 24.5 | 51.891.492.946 | 84.117.531.709 |
| 4.2. Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 028 | 24.5 | 15.003.096.880 | 350.482.521.850 |
| 4.3. Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán | 030 | | - | 13.657.013.070 |
| 5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031 | 24.6 | 66.894.589.826 | 434.600.053.559 |
| 5.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.1 | | 64.903.703.084 | 431.532.701.067 |
| 5.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.2 | | 1.990.886.742 | 3.067.352.492 |
| 6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 035 | | - | 13.657.013.070 |

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng

Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Quân Tùng



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 2024 | 2023 |
| I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 1 | | 10.641.118.246 | 32.387.779.164 |
| a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | 01.1 | 25 | 395.875.135 | 9.198.024.366 |
| b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL | 01.2 | 26 | 430.484.310 | - |
| b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL | 01.3 | 27 | 9.814.758.801 | 23.189.754.798 |
| 1.2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 2 | 27 | 835.328.768 | - |
| 1.3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 3 | 27 | 19.203.474.335 | 16.305.601.968 |
| 1.4. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 6 | | 17.417.528.484 | 17.898.724.217 |
| 1.5. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 9 | | 2.230.922.053 | 2.648.829.343 |
| 1.6. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính | 10 | | 3.601.090.909 | 3.037.000.000 |
| 1.7. Thu nhập hoạt động khác | 11 | | 617.617.931 | 823.193.576 |
| Cộng doanh thu hoạt động | 20 | | 54.547.080.726 | 73.101.128.268 |
| II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | | | |
| 2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 21 | | 279.229.385 | 169.041.806 |
| a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | 21.1 | 25 | 279.489.370 | 168.868.686 |
| b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL | 21.2 | 26 | (259.985) | 173.120 |
| 2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 24 | | 2.136.044.119 | 1.500.878.156 |
| 2.3. Chi phí hoạt động tự doanh | 26 | 28 | 8.872.462 | - |
| 2.4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 27 | 28 | 12.704.229.169 | 12.939.685.586 |
| 2.5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 30 | 28 | 2.056.422.557 | 1.563.334.840 |
| 2.6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 31 | 28 | 3.560.834.590 | 4.884.277.722 |
| 2.7. Chi phí các dịch vụ khác | 32 | 28 | 3.328.558.205 | 3.775.051.857 |
| Cộng chi phí hoạt động | 40 | | 24.074.190.487 | 24.832.269.967 |
| III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện | 41 | | 1.167.456.554 | 667.972.580 |
| 3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định | 42 | | 3.065.122.747 | 1.002.635.569 |
| Cộng doanh thu hoạt động tài chính | 50 | | 4.232.579.301 | 1.670.608.149 |
| IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH | | | | |
| 4.1. Chi phí lãi vay | 52 | | 232.237.965 | 1.407.606.575 |
| Cộng chi phí tài chính | 60 | | 232.237.965 | 1.407.606.575 |
| V. CHI PHÍ BÁN HÀNG | 61 | | - | - |
| VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN | 62 | 29 | 17.603.958.372 | 18.071.786.598 |
| VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | 70 | | 16.869.273.203 | 30.460.073.277 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B02 - CTCK
Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Mã số | Thuyết minh | Năm | |
|---|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 2024 | 2023 |
| VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC | | | | |
| 8.1. Thu nhập khác | 71 | | 4.284.359 | 2.583.314 |
| 8.2. Chi phí khác | 72 | | 4.900 | 236.598.378 |
| Cộng kết quả hoạt động khác | 80 | | 4.279.459 | (234.015.064) |
| IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | 90 | | 16.873.552.662 | 30.226.058.213 |
| 9.1. Lợi nhuận đã thực hiện | 91 | | 16.442.808.367 | 30.226.231.333 |
| 9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | 92 | | 430.744.295 | (173.120) |
| X. CHI PHÍ THUẾ TNDN | 100 | | 3.140.937.202 | 5.958.708.562 |
| 10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 100.1 | 30 | 3.140.937.202 | 5.958.708.562 |
| 10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 100.2 | | - | - |
| XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | 200 | | 13.732.615.460 | 24.267.349.651 |
| XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHÓ THÔNG | 500 | | | |
| 13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu) | 501 | 31 | 458 | 809 |

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Nguyễn Đức Quân Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B03a - CTCK
Đơn vị tính: VND

| Chi tiêu | Mã số | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính | 01 | (4.651.237.276.550) | (5.044.166.658.622) |
| 2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính | 02 | 4.842.107.186.819 | 4.862.493.089.294 |
| 3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 03 | (785.968.029) | (1.703.096.646) |
| 4. Cổ tức đã nhận | 04 | 1.415.000 | 1.141.200 |
| 5. Tiền lãi đã thu | 05 | 40.161.288.861 | 14.006.127.220 |
| 6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK | 06 | (361.033.286) | (1.359.288.767) |
| 7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK | 07 | (9.218.510.425) | (13.484.282.892) |
| 8. Tiền chi trả cho người lao động | 08 | (19.089.522.760) | (19.543.984.570) |
| 9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK | 09 | (27.641.416.453) | (21.976.372.314) |
| 10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 11 | 1.756.198.713.252 | 1.671.429.143.549 |
| 11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 12 | (1.694.569.681.917) | (1.616.336.021.272) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 235.565.194.512 | (170.640.203.820) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác | 21 | (959.433.300) | (1.180.456.207) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác | 22 | 3.636.364 | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (955.796.936) | (1.180.456.207) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền vay gốc | 33 | 596.000.000.000 | 1.148.300.000.000 |
| 1.1. Tiền vay khác | 33.2 | 596.000.000.000 | 1.148.300.000.000 |
| 2. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (773.000.000.000) | (1.021.300.000.000) |
| 2.1. Tiền chi trả gốc vay khác | 34.3 | (773.000.000.000) | (1.021.300.000.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (177.000.000.000) | 127.000.000.000 |
| IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm | 50 | 57.609.397.576 | (44.820.660.027) |
| V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 4.990.002.744 | 49.810.662.771 |
| Tiền | 61 | 4.990.002.744 | 49.810.662.771 |
| VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 70 | 62.599.400.320 | 4.990.002.744 |
| Tiền | 71 | 2.099.400.320 | 4.990.002.744 |
| Các khoản tương đương tiền | 72 | 60.500.000.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

| Chi tiêu | Mã Số | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-----------|--------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | |
| 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | 01 | 15.391.565.033.860 | 6.950.275.830.790 |
| 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | 02 | (34.570.017.128.728) | (10.214.704.096.064) |
| 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | 07 | 18.810.746.631.135 | 3.501.576.743.079 |
| 4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán | 12 | 3.336.196.940.354 | 79.079.324.806 |
| 5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán | 13 | (3.349.853.953.424) | (65.422.311.736) |
| Tăng/giảm tiền thuần trong năm | 20 | (381.362.476.803) | 250.805.490.875 |
| II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng | 30 | 448.257.066.629 | 197.451.575.754 |
| Tiền gửi ngân hàng đầu năm: | 31 | 448.257.066.629 | 197.451.575.754 |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 32 | 84.117.531.709 | 155.184.989.304 |
| - Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 34 | 350.482.521.850 | 42.266.586.450 |
| - Tiền gửi của tổ chức phát hành | 35 | 13.657.013.070 | - |
| III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng | 40 | 66.894.589.826 | 448.257.066.629 |
| Tiền gửi ngân hàng cuối năm: | 41 | 66.894.589.826 | 448.257.066.629 |
| - Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 42 | 51.891.492.946 | 84.117.531.709 |
| - Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 43 | 15.003.096.880 | 350.482.521.850 |
| - Tiền gửi của tổ chức phát hành | 45 | - | 13.657.013.070 |

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Nguyễn Đức Quân Tùng

BÁO CÁO BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU SỐ B04 - CTCK
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Số dư đầu năm | | Số tăng/giảm | | | | Số dư cuối năm | |
|---|------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------|------------------------|------------------------|
| | Tại 01/01/2023 | Tại 01/01/2024 | Năm 2023 | | Năm 2024 | | Tại 31/12/2023 | Tại 31/12/2024 |
| | | | Tăng | Giảm | Tăng | Giảm | | |
| I. Biến động vốn chủ sở hữu | | | | | | | | |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | - | - | - | - | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| 1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | - | - | - | - | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 2.101.876.058 | 2.978.056.298 | 876.180.240 | - | - | - | 2.978.056.298 | 2.978.056.298 |
| 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 2.123.819.760 | 3.021.943.702 | 898.123.942 | - | - | - | 3.021.943.702 | 3.021.943.702 |
| 4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 5.117.661.540 | 5.117.661.540 | - | - | - | - | 5.117.661.540 | 5.117.661.540 |
| 5. Lợi nhuận chưa phân phối | 62.390.327.660 | 84.883.373.129 | 24.267.522.771 | 1.774.477.302 | 13.732.615.460 | - | 84.883.373.129 | 98.615.988.589 |
| 5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | 62.390.901.901 | 84.884.120.490 | 24.267.522.771 | 1.774.304.182 | 13.301.871.165 | - | 84.884.120.490 | 98.185.991.655 |
| 5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện | (574.241) | (747.361) | - | 173.120 | 430.744.295 | - | (747.361) | 429.996.934 |
| Tổng cộng | 371.733.685.018 | 396.001.034.669 | 26.041.826.953 | 1.774.477.302 | 13.732.615.460 | - | 396.001.034.669 | 409.733.650.129 |

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng giám đốc



Nguyễn Đức Quân Tùng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/UBCK-GP ngày 15/09/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 45/GPĐC-UBCK ngày 06/06/2023 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Địa chỉ liên hệ của Công ty:

Trụ sở chính: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 2 - Số 194 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều lệ của Công ty: được ban hành ngày 15/09/2014 và sửa đổi lần 6 ngày 26/04/2024.

Số lượng lao động: Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 77 người (tại ngày 31/12/2023 là: 79 người).

Đặc điểm hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán, giao dịch ký quỹ, tự doanh chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Vốn điều lệ của Công ty là 300 tỷ đồng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán: được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 12/12/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán

Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MÃ SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền của Công ty mở tại Ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được trình bày theo giá gốc và được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Khi có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các khoản cho vay, Công ty sẽ ghi nhận khoản dự phòng về suy giảm giá trị khoản cho vay vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là: Các khoản cho vay và các khoản phải thu, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Phản ánh dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu phản ánh tổng giá trị các khoản phải thu về bán tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản trị của Công ty. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập phù hợp với quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

| | Năm |
|---------------------------------|---------|
| Máy móc thiết bị | 03 - 08 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 08 |
| Phần mềm máy tính | 03 - 08 |

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng hợp đồng vay, giấy nhận nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở Giao dịch chứng khoán; theo dõi thanh toán tại ngày T+0 của mua, bán tài sản tài chính qua các Sở Giao dịch chứng khoán và các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính và chi phí hoạt động khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Doanh thu hoạt động

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Lãi/ lỗ từ bán các tài sản tài chính

Được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính.

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập đối với các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thưởng chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng thu nhập.

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ quy định tại Chuẩn mực Doanh thu.

Doanh thu đã thực hiện được xác định trên cơ sở doanh thu thuần: Doanh thu ban đầu đã giảm trừ các khoản giảm trừ doanh thu (Nếu có) phát sinh trong kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (Ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác) hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:

- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán;
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính;
- Và thu nhập từ một số hoạt động khác.

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;
- Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán;
- Chi phí các dịch vụ tài chính khác;
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.
- Chi phí các dịch vụ khác.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 32.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 259.746 | 259.746 |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty chứng khoán | 2.099.140.574 | 4.989.742.998 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 60.500.000.000 | - |
| Cộng | 62.599.400.320 | 4.990.002.744 |

(*) Các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông.

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

| | Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm | Giá trị giao dịch thực hiện trong năm |
|--------------------------------|--|---------------------------------------|
| | Cổ phiếu | VND |
| Của Công ty Chứng khoán | | |
| - Cổ phiếu | 2.242.213 | 29.395.079.350 |
| - Trái phiếu | 120.300 | 12.032.735.622 |
| Của nhà đầu tư | | |
| - Cổ phiếu | 571.234.473 | 10.881.627.124.140 |
| - Trái phiếu | 50.120 | 4.373.111.792.600 |
| - Chứng khoán khác | 926.108 | 507.070.500 |
| Cộng | 574.573.214 | 15.296.673.802.212 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Cổ phiếu niêm yết | 9.546.984.667 | 9.976.981.601 | 5.014.619 | 32.849.600 |
| OCB | 9.543.576.602 | 9.940.800.000 | - | - |
| Khác | 3.408.065 | 36.181.601 | 5.014.619 | 32.849.600 |
| Cổ phiếu chưa niêm yết | 4.621.160.728 | 4.621.160.728 | 4.621.160.728 | 4.621.160.728 |
| Công ty cổ phần Bảo hiểm | 119.150.000 | 119.150.000 | 119.150.000 | 119.150.000 |
| Viễn Đông | | | | |
| Công ty Cổ phần Kỹ thuật | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| Xây dựng và Vật liệu | | | | |
| xây dựng | | | | |
| Khác | 2.010.728 | 2.010.728 | 2.010.728 | 2.010.728 |
| Trái phiếu | 108.270.600.000 | 108.270.600.000 | 120.300.600.000 | 120.300.600.000 |
| DBC | 600.000 | 600.000 | 600.000 | 600.000 |
| Công ty Cổ phần Toàn | 108.270.000.000 | 108.270.000.000 | 120.300.000.000 | 120.300.000.000 |
| Hải Vân | | | | |
| Cộng | 122.438.745.395 | 122.868.742.329 | 124.926.775.347 | 124.954.610.328 |

7.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|------------|
| | VND | VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Phương Đông, lãi suất từ 4,8% đến 5,1%/năm | 60.000.000.000 | - |
| Cộng | 60.000.000.000 | - |

7.3. Các khoản phải thu và cho vay

| | 31/12/2024 | | 01/01/2024 | |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| Cho vay margin | 117.692.521.247 | 116.458.218.615 | 116.961.199.116 | 115.726.896.484 |
| Cho vay hoạt động ứng trước | 5.020.442.894 | 5.020.442.894 | 262.210.442.835 | 262.210.442.835 |
| tiền bán | | | | |
| Cho vay tài sản tài chính | 1.688.958.139 | 102.003.929 | 2.041.759.349 | 196.803.929 |
| khác | | | | |
| Cộng | 124.401.922.280 | 121.580.665.438 | 381.213.401.300 | 378.134.143.248 |

CỘT H NH TIẾ AN



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7.4. Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (Đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối năm.

| STT | Nội dung | Tại ngày 31/12/2024 | | | | | Tại ngày 01/01/2024 | | | | |
|------|--|------------------------|----------------------|---------------------|-----------------|------------------------|------------------------|--------------------|---------------------|-----------------|------------------------|
| | | Giá mua | Giá trị thị trường | Chênh lệch đánh giá | | Giá trị đánh giá lại | Giá mua | Giá trị thị trường | Chênh lệch đánh giá | | Giá trị đánh giá lại |
| | | | | Chênh lệch tăng | Chênh lệch giảm | | | | Chênh lệch tăng | Chênh lệch giảm | |
| | Loại FVTPL | | | | | | | | | | |
| I. | Cổ phiếu niêm yết | 9.546.984.667 | 9.976.981.601 | 430.484.310 | 487.376 | 9.976.981.601 | 5.014.619 | 32.849.600 | - | 747.361 | 32.849.600 |
| 1.1 | OCB | 9.543.576.602 | 9.940.800.000 | 397.223.398 | - | 9.940.800.000 | - | - | - | - | - |
| 1.2 | Khác | 3.408.065 | 36.181.601 | 33.260.912 | 487.376 | 36.181.601 | 5.014.619 | 32.849.600 | - | 747.361 | 32.849.600 |
| II. | Cổ phiếu chưa niêm yết (*) | 4.621.160.728 | - | - | - | 4.621.160.728 | 4.621.160.728 | - | - | - | 4.621.160.728 |
| 2.1 | Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông | 119.150.000 | - | - | - | 119.150.000 | 119.150.000 | - | - | - | 119.150.000 |
| 2.2 | Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng | 4.500.000.000 | - | - | - | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | - | - | - | 4.500.000.000 |
| 2.3 | Khác | 2.010.728 | - | - | - | 2.010.728 | 2.010.728 | - | - | - | 2.010.728 |
| III. | Trái phiếu (*) | 108.270.600.000 | - | - | - | 108.270.600.000 | 120.300.600.000 | - | - | - | 120.300.600.000 |
| 3.1 | DBC | 600.000 | - | - | - | 600.000 | 600.000 | - | - | - | 600.000 |
| 3.2 | Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân | 108.270.000.000 | - | - | - | 108.270.000.000 | 120.300.000.000 | - | - | - | 120.300.000.000 |
| | Cộng | 122.438.745.395 | 9.976.981.601 | 430.484.310 | 487.376 | 122.868.742.329 | 124.926.775.347 | 32.849.600 | - | 747.361 | 124.954.610.328 |

(*) Khoản mục không có giá trị thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

| Loại phải thu khó đòi | Thời gian quá hạn | Giá trị phải thu khó đòi tại 31/12/2024 | Số dự phòng đầu năm | Số trích lập trong năm | Số hoàn nhập trong năm | Số dự phòng cuối năm |
|---|-------------------|---|----------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
| | | VND | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu khác | | | | | | |
| Bà Kiều Hồng Hỷ | > 3 năm | 3.661.466.000 | 2.563.026.200 | 1.098.439.800 | - | 3.661.466.000 |
| Bà Phan Thị Giang | > 3 năm | 4.320.033.000 | 3.024.023.100 | 1.296.009.900 | - | 4.320.033.000 |
| Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp | | | | | | |
| Các đối tượng khác | > 3 năm | 91.215.808 | 91.546.779 | - | 404.371 | 91.142.408 |
| Cộng | | 8.072.714.808 | 5.678.596.079 | 2.394.449.700 | 404.371 | 8.072.641.408 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Các tài sản tài chính FVTPL | - | 747.361 |
| - Cổ phiếu | - | 747.361 |
| Các khoản cho vay | 2.821.256.842 | 3.079.258.052 |
| Cộng | 2.821.256.842 | 3.080.005.413 |

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu bán các tài sản tài chính | 33.156.089.474 | 31.988.632.920 |
| Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Dầu khí (PVD) (*) | 25.174.590.474 | 24.007.133.920 |
| Bà Phan Thị Giang | 4.320.033.000 | 4.320.033.000 |
| Bà Kiều Hồng Hỷ | 3.661.466.000 | 3.661.466.000 |
| Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | 7.737.521.094 | 17.327.629.541 |
| Dự thu lãi cho vay margin | 6.769.418.353 | 5.067.482.926 |
| Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | 968.102.741 | 12.260.146.615 |
| Cộng | 40.893.610.568 | 49.316.262.461 |

(*) Khoản phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn của Công ty ngày 30/12/2008 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/04/2011 về việc chuyển nhượng quyền góp vốn dự án tòa nhà Sailing Tower 51 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP Hồ Chí Minh do Tổng Công ty xây dựng số 1 - CC1 là chủ đầu tư. Theo đó, PVD - bên mua, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của VIS vào Dự án trên. Khi đó PVD sẽ được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích của VIS theo hợp đồng hợp tác kinh doanh 2006 giữa VIS và Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1). Đến thời điểm 31/12/2024, PVD còn phải thanh toán cho VIS số tiền là 996.974 USD (tương đương 25.174.590.474 đồng), đồng thời VIS còn phải trả cho CC1 số tiền 16.418.319.982 đồng (xem Thuyết minh số 16). Các bên đã cam kết sau khi tòa nhà Sailing Tower được hoàn công và CC1 hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để có đủ cơ sở chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích tầng 4 tòa nhà Sailing Tower cho PVD thì VIS sẽ chuyển trả số tiền 16.418.319.982 đồng cho CC1, đồng thời VIS yêu cầu PVD thanh toán số tiền 996.974 USD.

Theo biên bản làm việc ngày 11/09/2019 giữa Công ty và PVD, Công ty vẫn liên lạc và làm việc với CC1 để yêu cầu CC1 tích cực làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các giấy tờ, thủ tục nêu trên. Tuy nhiên, do có phát sinh một số vướng mắc về mặt thủ tục và giấy tờ nên các thủ tục pháp lý vẫn chưa được hoàn tất dẫn đến việc Công ty và CC1 chưa thực hiện được cam kết trong hợp đồng đúng hạn. Do đó, PVD vẫn ghi nhận và tiếp tục sử dụng diện tích tòa nhà được bàn giao theo Hợp đồng, đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp cần thiết để PVD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng tòa nhà tương ứng theo quy định.

CC1 gửi công văn số 414/TCT-ĐT ngày 15/03/2021 về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán Hợp đồng hợp tác kinh doanh đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower năm 2006 giữa CC1 và VIS. Theo công văn nêu trên, CC1 sẽ ký kết hợp đồng cho thuê văn phòng đến hết vòng đời dự án với PVD đối với phần diện tích đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau khi VIS hoàn tất thanh toán công nợ với CC1, theo đó, PVD sẽ được toàn quyền sử dụng, chuyển nhượng, cho thuê lại ... đối với phần diện tích nêu trên mà không lệ thuộc vào việc cấp Giấy chứng nhận. VIS và PVD đã có văn bản gửi CC1 yêu cầu CC1 xác minh lại số dư công nợ và hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan theo đúng cam kết và trách nhiệm của các bên. Đến thời điểm hiện tại VIS vẫn đang tiếp tục làm việc với PVD và CC1 để giải quyết vấn đề nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh (Bên liên quan) (*) | 18.700.000.000 | 35.700.000.000 |
| Phải thu khác | 731.628.125 | 881.030.622 |
| Cộng | 19.431.628.125 | 36.581.030.622 |

(*) Là khoản tiền còn lại phải thu hồi của Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh (Indeco) theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01/11/2016 và các phụ lục hợp đồng về việc đầu tư dự án Cao ốc văn phòng làm việc tại địa chỉ số 120 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thỏa thuận tham gia góp 13,45% tổng vốn đầu tư của dự án tương ứng với số tiền là 50,7 tỷ đồng, khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được chuyển nhượng 13,45% diện tích của dự án để làm trụ sở mà không phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền thuê nào khác. Thời hạn của dự án là 48 tháng kể từ ngày khởi công (đến năm 2021) và đã được các bên ký thỏa thuận gia hạn đến tháng 11/2024.

Tuy nhiên, do các vướng mắc khách quan trong triển khai các thủ tục pháp lý nên Indeco chưa đủ điều kiện chuyển nhượng 13,45% diện tích của dự án vào tháng 11/2024 cho Công ty, do đó ngày 27/11/2023 hai bên đã có biên bản làm việc thống nhất chấm dứt thực hiện hợp đồng và các phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01/11/2016 Indeco có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số tiền 50.700.000.000 đồng mà Công ty đã chuyển cho Indeco trong thời hạn trước 27/04/2024 và đã được gia hạn đến 25/06/2025. Đến thời điểm 31/12/2024, Công ty đã nhận được thanh toán tổng cộng 32 tỷ đồng. Ban Tổng giám đốc đánh giá không có bất kỳ khoản tổn thất tài chính nào liên quan đến số dư còn lại phải thu hồi của khoản hợp tác đầu tư nói trên cũng như không cần trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này tại thời điểm 31/12/2024.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | 693.677.664 | 622.578.323 |
| Tiền thuê văn phòng | 84.395.785 | 84.395.785 |
| Chi phí bảo trì phần mềm | 365.563.332 | 389.537.500 |
| Các khoản khác | 243.718.547 | 148.645.038 |
| Dài hạn | 751.068.885 | 988.987.695 |
| Công cụ dụng cụ | 544.231.052 | 625.183.767 |
| Các khoản khác | 206.837.833 | 363.803.928 |
| Cộng | 1.444.746.549 | 1.611.566.018 |

13. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-----------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền nợ ban đầu | 120.000.000 | 120.000.000 |
| Tiền nợ bổ sung | 8.324.388.939 | 7.538.420.910 |
| Tiền lãi đã phân bổ | 1.380.267.645 | 962.019.692 |
| Số dư cuối năm | 9.824.656.584 | 8.620.440.602 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Máy móc thiết bị VND | Cộng VND |
|---|----------------------------|-----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 16.588.155.409 | 16.588.155.409 |
| Mua trong năm | 1.431.990.000 | 1.431.990.000 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.714.018.696) | (1.714.018.696) |
| Tại ngày 31/12/2024 | 16.306.126.713 | 16.306.126.713 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 14.081.986.006 | 14.081.986.006 |
| Khấu hao trong năm | 848.747.398 | 848.747.398 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.714.018.696) | (1.714.018.696) |
| Tại ngày 31/12/2024 | 13.216.714.708 | 13.216.714.708 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 2.506.169.403 | 2.506.169.403 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 3.089.412.005 | 3.089.412.005 |
| Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng | 10.295.691.578 | 10.295.691.578 |

15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Phần mềm máy tính VND | Cộng VND |
|---|-----------------------------|----------------|
| NGUYÊN GIÁ | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 15.299.714.990 | 15.299.714.990 |
| Mua trong năm | - | - |
| Tại ngày 31/12/2024 | 15.299.714.990 | 15.299.714.990 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 13.606.171.010 | 13.606.171.010 |
| Khấu hao trong năm | 464.774.796 | 464.774.796 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 14.070.945.806 | 14.070.945.806 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | |
| Tại ngày 01/01/2024 | 1.693.543.980 | 1.693.543.980 |
| Tại ngày 31/12/2024 | 1.228.769.184 | 1.228.769.184 |
| Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng | 10.962.703.140 | 10.962.703.140 |

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 VND | 01/01/2024 VND |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tổng công ty Xây dựng số 1 (*) | 16.418.319.982 | 16.418.319.982 |
| Phải trả nhà cung cấp khác | 8.500.519 | 14.234.614 |
| Cộng | 16.426.820.501 | 16.432.554.596 |

(*) Khoản phải trả Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1) về việc hợp tác đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower theo hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2006 (xem Thuyết minh số 10).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY NGẮN HẠN

| | 01/01/2024 | Vay trong năm | Trả trong năm | 31/12/2024 |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (*) | 182.000.000.000 | 596.000.000.000 | 773.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Cộng | 182.000.000.000 | 596.000.000.000 | 773.000.000.000 | 5.000.000.000 |

(*) Số dư là khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông ("OCB") - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 0069/2024/HĐTDHM ngày 27/03/2024. Hạn mức thấu chi tối đa 50 tỷ đồng với thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích của khoản vay để bổ sung/bù đắp vốn lưu động kinh doanh tự doanh chứng khoán (trừ kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết), môi giới chứng khoán và các hoạt động khác liên quan đến chứng khoán phù hợp quy định pháp luật. Thời hạn và lãi suất của khoản vay được xác định theo từng kế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay là cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2024 | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | 31/12/2024 |
|----------------------------|----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế giá trị gia tăng | 100.335.198 | 131.163.436 | 152.184.735 | 79.313.899 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.241.694.033 | 3.140.937.202 | 4.470.195.433 | 912.435.802 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 605.882.798 | 23.121.525.058 | 23.015.036.285 | 712.371.571 |
| Các loại thuế khác | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - |
| Cộng | 2.947.912.029 | 26.397.625.696 | 27.641.416.453 | 1.704.121.272 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | - | 129.687.671 |
| Chi phí phải trả Sở giao dịch chứng khoán | 113.051.180 | 413.569.873 |
| Các khoản khác | 356.293.747 | 329.966.770 |
| Cộng | 469.344.927 | 873.224.314 |

20. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC NGẮN HẠN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Bà Phạm Thị Lan Hương | 1.550.000.000 | 1.550.000.000 |
| Phí môi giới cộng tác viên | 155.658.589 | 306.652.494 |
| Cổ tức phải trả hộ tổ chức phát hành | 76.666.286 | 212.683.986 |
| Các khoản khác | 2.523.846.306 | 3.210.264.367 |
| Cộng | 4.306.171.181 | 5.279.600.847 |

21. PHẢI TRẢ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VỀ DỊCH VỤ CHO CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-----------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả phí môi giới chứng khoán | 36.046.290 | 417.835.829 |
| Phải trả phí lưu ký chứng khoán | 536.228.511 | 506.563.847 |
| Phải trả hợp đồng tư vấn | 1.096.800.000 | 465.600.000 |
| Các khoản phải trả khác | 59.450.400 | 59.450.400 |
| Cộng | 1.728.525.201 | 1.449.450.076 |

22. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả nghiệp vụ margin | 124.461.939.600 | 122.028.682.042 |
| - Phải trả gốc margin | 117.692.521.247 | 116.961.199.116 |
| - Phải trả lãi margin | 6.769.418.353 | 5.067.482.926 |
| Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán | 5.020.442.894 | 262.210.442.835 |
| - Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán | 5.020.442.894 | 262.210.442.835 |
| Phải trả các khoản khác | 1.688.958.139 | 2.041.759.349 |
| Cộng | 131.171.340.633 | 386.280.884.226 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|-------------------------|------------------------|--------------------------------|--|-------------------------------|--------------------------|-----------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01/01/2023 | 300.000.000.000 | 2.101.876.058 | 2.123.819.760 | 5.117.661.540 | 62.390.327.660 | 371.733.685.018 |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | 24.267.349.651 | 24.267.349.651 |
| Phân phối lợi nhuận | - | 876.180.240 | 898.123.942 | - | (1.774.304.182) | - |
| Tại ngày 01/01/2024 | 300.000.000.000 | 2.978.056.298 | 3.021.943.702 | 5.117.661.540 | 84.883.373.129 | 396.001.034.669 |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | 13.732.615.460 | 13.732.615.460 |
| Phân phối lợi nhuận (*) | - | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2024 | 300.000.000.000 | 2.978.056.298 | 3.021.943.702 | 5.117.661.540 | 98.615.988.589 | 409.733.650.129 |

(*) Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2024, Công ty không phân phối lợi nhuận sau thuế, tổng lợi nhuận còn lại tính đến hết năm 2023 là 84.883.373.129 đồng.

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

| | Tại ngày 31/12/2024 | | Tại ngày 01/01/2024 | |
|--|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | Giá trị VND | Tỷ lệ % | Giá trị VND | Tỷ lệ % |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt | 256.177.320.000 | 85,39% | 254.448.150.000 | 84,82% |
| Các cổ đông khác | 43.822.680.000 | 14,61% | 45.551.850.000 | 15,18% |
| Cộng | 300.000.000.000 | 100% | 300.000.000.000 | 100% |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

24.1. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 117.004.620.000 | 120.314.840.000 |
| Cộng | 117.004.620.000 | 120.314.840.000 |

24.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|-------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Cổ phiếu | 2.692.090.000 | 2.692.090.000 |
| Trái phiếu | 600.000 | 600.000 |
| Cộng | 2.692.690.000 | 2.692.690.000 |

24.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 6.061.251.070.000 | 3.625.463.540.000 |
| Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng | 88.713.440.000 | 49.049.020.000 |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | 2.361.629.760.000 | 2.447.727.510.000 |
| Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ | 40.000 | 40.000 |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán | 8.230.390.000 | 376.438.100.000 |
| Cộng | 8.519.824.700.000 | 6.498.678.210.000 |

24.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | 11.110.980.000 | 11.110.980.000 |
| Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | 7.050.000.000 | 7.050.000.000 |
| Cộng | 18.160.980.000 | 18.160.980.000 |

24.5. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 51.891.492.946 | 84.117.531.709 |
| Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng | 15.003.096.880 | 350.482.521.850 |
| Cộng | 66.894.589.826 | 434.600.053.559 |

24.6. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

| | 31/12/2024 | 01/01/2024 |
|--|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | | |
| Của Nhà đầu tư trong nước | 64.903.703.084 | 431.532.701.067 |
| Của Nhà đầu tư nước ngoài | 1.990.886.742 | 3.067.352.492 |
| Cộng | 66.894.589.826 | 434.600.053.559 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. LÃI/LỖ BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

| | Số lượng bán | Giá bán | Tổng giá trị bán | Tổng giá vốn | Lãi/lỗ bán chứng khoán năm nay | Lãi/lỗ bán chứng khoán năm trước |
|--|--------------|---------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|----------------------------------|
| | | VND | VND | VND | VND | VND |
| Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | | | 20.591.008.372 | 20.195.133.237 | 395.875.135 | 9.198.024.366 |
| 1. Cổ phiếu niêm yết | | | 8.536.572.750 | 8.143.433.999 | 393.138.751 | 13.500.000 |
| - OCB | 620.000 | 13.763 | 8.533.250.000 | 8.142.424.830 | 390.825.170 | 13.500.000 |
| - Các cổ phiếu khác | 162 | 20.511 | 3.322.750 | 1.009.169 | 2.313.581 | - |
| 2. Trái phiếu chưa niêm yết | | | 12.032.735.622 | 12.030.000.000 | 2.735.622 | 9.184.524.366 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành | - | - | - | - | - | 42.531.883 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sơn Kim | - | - | - | - | - | 38.904 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư - Phát triển Đô thị Ấn Phú | - | - | - | - | - | 863.294.521 |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Hải Phát | - | - | - | - | - | 3.167.297.260 |
| - Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân | 120.300 | 100.023 | 12.032.735.622 | 12.030.000.000 | 2.735.622 | 4.524.378.671 |
| - Công ty Cổ Phần Tandoland | - | - | - | - | - | 437.128.767 |
| - Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Land | - | - | - | - | - | 57.376.438 |
| - Các trái phiếu khác | - | - | - | - | - | 92.477.922 |
| 3. Chứng chỉ tiền gửi | | | 21.700.000 | 21.699.238 | 762 | - |
| - Ngân hàng TMCP Phương Đông | 217 | 100.000 | 21.700.000 | 21.699.238 | 762 | - |
| Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | | | 1.447.306.600 | 1.726.795.970 | (279.489.370) | (168.868.686) |
| 1. Cổ phiếu niêm yết | | | 1.446.806.600 | 1.726.295.953 | (279.489.353) | - |
| - OCB | 120.000 | 12.054 | 1.446.500.000 | 1.725.698.568 | (279.198.568) | - |
| - Các cổ phiếu khác | 51 | 6.012 | 306.600 | 597.385 | (290.785) | - |
| 2. Trái phiếu chưa niêm yết | | | - | - | - | (168.868.686) |
| - Công ty Cổ Phần Tandoland | - | - | - | - | - | (55.151.593) |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Sơn Kim | - | - | - | - | - | (98.267.093) |
| - Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân | - | - | - | - | - | (15.450.000) |
| 3. Chứng chỉ tiền gửi | | | 500.000 | 500.017 | (17) | - |
| - Ngân hàng TMCP Phương Đông | 5 | 100.000 | 500.000 | 500.017 | (17) | - |
| Cộng | | | 22.038.314.972 | 21.921.929.207 | 116.385.765 | 9.029.155.680 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CHÊNH LỆCH ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

| STT | Danh mục các loại tài sản tài chính FVTPL | Giá mua/Giá gốc tại 31/12/2024 | Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý tại 31/12/2024 | Chênh lệch đánh giá lại năm nay | Chênh lệch đánh giá lại đã ghi nhận năm trước | Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này |
|------|--|--------------------------------|---|---------------------------------|---|---|
| | Loại FVTPL | 122.438.745.395 | 122.868.742.329 | 429.996.934 | (747.361) | 430.744.295 |
| I. | Cổ phiếu | 9.546.984.667 | 9.976.981.601 | 429.996.934 | (747.361) | 430.744.295 |
| 1.1 | OCB | 9.543.576.602 | 9.940.800.000 | 397.223.398 | - | 397.223.398 |
| 1.2 | Khác | 3.408.065 | 36.181.601 | 32.773.536 | (747.361) | 33.520.897 |
| II. | Cổ phiếu chưa niêm yết | 4.621.160.728 | 4.621.160.728 | - | - | - |
| 2.1 | Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông | 119.150.000 | 119.150.000 | - | - | - |
| 2.2 | Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng và Vật liệu xây dựng | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 | - | - | - |
| 2.3 | Khác | 2.010.728 | 2.010.728 | - | - | - |
| III. | Trái phiếu | 108.270.600.000 | 108.270.600.000 | - | - | - |
| 3.1 | DBC | 600.000 | 600.000 | - | - | - |
| 3.2 | Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân | 108.270.000.000 | 108.270.000.000 | - | - | - |
| | Cộng | 122.438.745.395 | 122.868.742.329 | 429.996.934 | (747.361) | 430.744.295 |

27. CỐ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ TÀI SẢN TÀI CHÍNH, CÁC KHOẢN CHO VAY VÀ PHẢI THU

| | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Thu nhập từ các tài sản tài chính FVTPL | 9.814.758.801 | 23.189.754.798 |
| - Cổ tức | 1.415.000 | 1.141.200 |
| - Lãi trái phiếu tự doanh | 9.813.343.801 | 23.188.613.598 |
| Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 835.328.768 | - |
| - Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 835.328.768 | - |
| Thu nhập từ các khoản cho vay và phải thu | 19.203.474.335 | 16.305.601.968 |
| - Tiền lãi cho vay margin | 17.317.015.420 | 15.104.295.913 |
| - Tiền lãi ứng trước tiền bán chứng khoán | 1.886.458.915 | 1.201.306.055 |
| Cộng | 29.853.561.904 | 39.495.356.766 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CHỨNG KHOÁN

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí hoạt động tự doanh | 8.872.462 | - |
| Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 12.704.229.169 | 12.939.685.586 |
| - Chi phí tiền lương | 2.871.095.077 | 3.176.732.231 |
| - Các khoản trích theo lương | 494.228.328 | 465.790.988 |
| - Phí hoa hồng, môi giới | 4.425.749.091 | 5.083.377.138 |
| - Phí giao dịch chứng khoán môi giới | 4.028.445.489 | 3.421.834.679 |
| - Chi phí khác | 884.711.184 | 791.950.550 |
| Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 2.056.422.557 | 1.563.334.840 |
| Chi phí hoạt động tư vấn tài chính | 3.560.834.590 | 4.884.277.722 |
| Chi phí các dịch vụ khác | 3.328.558.205 | 3.775.051.857 |
| Cộng | 21.658.916.983 | 23.162.350.005 |

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lương và các khoản khác | 7.906.428.787 | 8.324.509.334 |
| BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ | 963.417.468 | 874.660.256 |
| Chi phí vật tư văn phòng | 23.890.856 | 26.787.854 |
| Chi phí công cụ, dụng cụ | 425.186.180 | 458.909.497 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 1.313.522.194 | 1.099.888.329 |
| Thuế, phí và lệ phí | 607.126.368 | 847.408.207 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 5.662.532.119 | 5.646.301.417 |
| Chi phí khác | 701.854.400 | 793.321.704 |
| Cộng | 17.603.958.372 | 18.071.786.598 |

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 16.873.552.662 | 30.226.058.213 |
| Các khoản điều chỉnh: | (1.168.866.654) | (432.515.402) |
| Trừ: | (1.168.871.554) | (669.113.780) |
| - Thu nhập từ cổ tức | (1.415.000) | (1.141.200) |
| - Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ phải thu | (1.167.456.554) | (667.972.580) |
| Cộng: | 4.900 | 236.598.378 |
| - Các khoản chi phí không được khấu trừ | 4.900 | 236.598.378 |
| Thu nhập chịu thuế | 15.704.686.008 | 29.793.542.811 |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 3.140.937.202 | 5.958.708.562 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 13.732.615.460 | 24.267.349.651 |
| Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - |
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 13.732.615.460 | 24.267.349.651 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 30.000.000 | 30.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 458 | 809 |

(*) Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2024, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|---------------------|
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt (HVH) | Công ty mẹ |
| Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh | Công ty con của HVH |

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Công ty còn có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

Giao dịch với các bên liên quan

| | Năm 2024 | Năm 2023 |
|---|------------|------------|
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt | | |
| Phí quản lý cổ đông | 5.000.000 | 5.000.000 |
| Phí lưu ký | 64.265.538 | 63.024.454 |
| Phí môi giới chứng khoán | - | 35.237.813 |
| Phí chuyển nhượng chứng khoán | 10.220.000 | 300.000 |
| Phí phong tỏa | 5.454.546 | 6.363.637 |
| Công ty CP Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Tây Ninh | | |
| Phí lưu ký | 79.054.825 | 50.576.625 |

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2024 | Năm 2023 |
|--------------------------|---|--------------------|--------------------|
| | | VND | VND |
| Hội đồng quản trị | | 357.856.000 | 575.834.500 |
| Ông Võ Quang Long | Chủ tịch HĐQT | 82.800.000 | 64.800.000 |
| Bà Nguyễn Thị Thu Trang | Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2023) | - | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Thanh Tuyền | Thành viên HĐQT | 75.600.000 | 64.800.000 |
| Bà Nguyễn Thanh Thủy | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 27/04/2023) | - | 14.400.000 |
| Ông Cao Quế Lâm | Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024) | 149.056.000 | 395.834.500 |
| Ông Đào Duy Hải | Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024) | 50.400.000 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B09 - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|--------------------------|---|----------------------|----------------------|
| Ban Tổng giám đốc | | 2.503.026.447 | 2.680.639.171 |
| Ông Dương Kỳ Hiệp | Tổng giám đốc (Miễn nhiệm ngày 10/02/2025) | 1.054.178.378 | 1.057.034.000 |
| Ông Vũ Hoàng Minh | Phó tổng giám đốc | 749.429.022 | 810.457.700 |
| Ông Vĩnh Bảo Quốc | Phó tổng giám đốc thường trực | 699.419.047 | 813.147.471 |
| Cộng | | 2.860.882.447 | 3.256.473.671 |

Thu nhập của Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức danh | Năm 2024 VND | Năm 2023 VND |
|------------------------|--|--------------------|--------------------|
| Ông Đào Duy Hải | Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024) | 18.000.000 | 50.400.000 |
| Bà Nguyễn Thị Hòa | Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024) | 36.000.000 | - |
| Ông Trần Bình Ôn | Thành viên Ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 26/04/2024) | 14.400.000 | 43.200.000 |
| Ông Đinh Khánh Hòa | Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26/04/2024) | 28.800.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Thu Thủy | Thành viên Ban kiểm soát | 43.200.000 | 39.600.000 |
| Cộng | | 140.400.000 | 133.200.000 |

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2025

Người lập

Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng

Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Quân Tùng

